

Số: /TTr-TNNQG

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả
thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Về việc ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường,

Trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của các Bộ, địa phương, các chuyên gia và Biên bản họp Hội đồng thẩm định, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia đã hoàn thiện dự thảo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia kính trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG QUY HOẠCH

Lưu vực sông Cả là lưu vực sông liên quốc gia có tổng diện tích tự nhiên khoảng 27.200 km² phân bố trên lãnh thổ Việt Nam và Lào, trong đó, phần diện tích lưu vực thuộc lãnh thổ Việt Nam là 17.900 km² chiếm 51,3% diện tích toàn lưu vực.

Tổng lượng nước mặt trên lưu vực sông Cả khoảng 23,8 tỷ m³. Tuy nhiên, nguồn nước mặt trên lưu vực phân bố không đều theo không gian và thời gian, mùa lũ chiếm khoảng 75%, mùa kiệt chiếm khoảng 25% tổng lượng dòng chảy năm, lượng nước bình quân đầu người mùa cạn khoảng 1.600 m³/người, dẫn đến thiếu nước cục bộ trên một số vùng trong mùa cạn. Nguồn nước dưới đất có thể khai thác ổn định trên lưu vực sông khoảng 0,81 tỷ m³, chiếm 5,3% so với lượng nước có thể khai thác, sử dụng trên toàn lưu vực nhưng khả năng tiếp cận nguồn nước tại các khu vực vùng núi cao, vùng sâu vùng xa rất khó khăn. Ngoài ra, tác động của biến đổi khí hậu và việc phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn làm cho diễn biến tài nguyên nước càng trở nên phức tạp hơn. Bên cạnh đó, lưu vực sông Cả đang đối mặt với các thách thức như sau:

1. Chưa có quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, trong khi quy hoạch tổng hợp

lưu vực sông là nền tảng để xây dựng và thực hiện các quy hoạch có khai thác, sử dụng nước.

2. Lưu vực sông Cả nằm trong khu vực kinh tế sôi động, sự thay đổi về cơ cấu kinh tế của các địa phương trong lưu vực dẫn đến biến động về nhu cầu khai thác, sử dụng nước. Áp lực về phát triển kinh tế - xã hội dẫn tới nhu cầu khai thác, sử dụng nước ngày càng gia tăng, dự báo đến 2050 tăng lên 1,2 lần so với hiện nay. Bên cạnh đó, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội làm gia tăng xả nước thải vào nguồn nước, ô nhiễm nguồn nước, trên sông Cả, sông Hiếu ... một số chỉ tiêu ô nhiễm đang vượt quá tiêu chuẩn cho phép từ 1,6 - 2,3 lần (BOD_5 , NH_4^+ ...). Ngoài ô nhiễm nước, vùng hạ lưu sông Cả đang phải chịu tác động không nhỏ của xâm nhập mặn. Trong những tháng mùa khô khi lượng nước thượng nguồn chảy về hạ lưu thấp, nước mặn ảnh hưởng tới Chợ Tràng cách cửa biển là 36km với độ mặn trung bình từ 1÷1,5‰, đôi khi mặn còn xâm nhập sâu đến Yên Xuân trên dòng chính sông Cả và qua Trung Lương tới Đức Xá trên nhánh sông Hào (là một phần nhánh của sông La chảy vào sông Cả).

3. Trong mùa kiệt mực nước sông Cả và các sông chính hạ thấp làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác, sử dụng nguồn nước mặt của các hệ thống công trình ven sông. Xu thế suy giảm mực nước ngày càng gia tăng làm việc điều tiết các hồ chứa thượng lưu rất phức tạp.

4. Khan hiếm nước trong mùa khô và thiếu nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa đang diễn ra ở nhiều nơi trên lưu vực sông. Điều kiện tiếp cận với nguồn nước của người dân ở những vùng núi cao, vùng sâu vùng xa rất khó khăn, nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất chủ yếu phụ thuộc vào nguồn nước mưa, nước dưới đất. Đây là thách thức lớn nếu như không có giải pháp kịp thời để quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nước trên lưu vực sông trong tương lai. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với các Bộ, địa phương cấp tỉnh đang khẩn trương điều tra, đánh giá, tìm kiếm nguồn nước để cấp nước sinh hoạt 15 vùng khan hiếm nước để xây dựng các công trình cấp nước phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu của nhân dân trên vùng quy hoạch.

5. Tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước lãng phí, kém hiệu quả vẫn đang xảy ra trên lưu vực sông. Nhiều công trình khai thác, sử dụng nước chưa được vận hành, khai thác theo đúng thiết kế nhất là các hồ chứa thủy lợi, một số hồ chứa vận hành, khai thác chỉ khoảng từ 65% - 70%¹ năng lực thiết kế công trình.

Từ thực trạng và những thách thức nêu trên, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng nhằm quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng nước, khôi phục nguồn nước suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và thích ứng với biến đổi khí hậu gồm: Kết luận số 36/KL-TW của Bộ Chính trị ngày 23 tháng 6 năm 2022 về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước; Nghị quyết số 99/NĐ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát

¹ Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh

triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Do đó, việc lập và phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là rất cần thiết góp phần giải quyết những thách thức nêu trên và hoàn thiện hệ thống quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG QUY HOẠCH

Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lập theo các quy định của Luật Quy hoạch, Luật Tài nguyên nước năm 2023; các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch các ngành, lĩnh vực có khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các thông tin, số liệu, ý kiến đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUY HOẠCH

1. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với các chuyên gia trong và ngoài Bộ tổ chức triển khai xây dựng dự thảo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội thảo tham vấn lấy ý kiến góp ý cho dự thảo Quy hoạch.

2. Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 4522/BTNMT-TNNQG về việc lấy ý kiến góp ý Dự thảo quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đến 09 Bộ gồm: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quốc phòng, Công an; 04 tỉnh thuộc lưu vực gồm: Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Quảng Bình và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước lớn gồm: Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công ty Thủy điện Bản Vẽ - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Quy hoạch tổng hợp lưu vực Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo). Tuy nhiên, ngày 27 tháng 11 năm 2024 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 8335/BTNMT-VP xin điều chỉnh đưa 02 Quy hoạch ra khỏi chương trình công tác năm 2024 và chuyển sang chương trình công tác năm 2025 và đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại văn bản số 9083/VPCP-NN ngày 10/12/2024.

3. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31/05/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước với mục tiêu tăng

trường năm 2025 đạt 8% trở lên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tiếp tục rà soát, cập nhật các tài liệu, số liệu về địa danh, đơn vị hành chính, kinh tế - xã hội của các địa phương trên lưu vực sông Cả theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

4. Ngày 09 tháng 7 năm 2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có Công văn số 4206/BNNMT-TNNQG về việc lấy ý kiến góp ý lần 2 cho Dự thảo quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đến 06 Bộ gồm: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quốc phòng, Công an; 04 tỉnh thuộc lưu vực gồm: Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Quảng Trị và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước lớn gồm: Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công ty Thủy điện Bán Vẽ - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5. Ngày....(sau khi có Hội đồng sẽ hoàn thiện)

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUY HOẠCH

1. Quan điểm

a) Tài nguyên nước được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tổng hợp theo lưu vực sông, thống nhất về số lượng, chất lượng, giữa nước mặt và nước dưới đất, giữa thượng lưu và hạ lưu, liên vùng, liên tỉnh, giữa các địa phương trên cùng lưu vực sông, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy định của điều ước quốc tế, hợp tác song phương mà Việt Nam đã tham gia.

b) Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông được xây dựng trên cơ sở lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, xác định biến đổi khí hậu và nước biển dâng là xu thế tất yếu phải sống chung và chủ động thích ứng; gắn kết hiện trạng, định hướng sử dụng tài nguyên nước với tài nguyên đất, cơ cấu sử dụng đất và các tài nguyên thiên nhiên khác. Làm cơ sở xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các ngành, lĩnh vực có khai thác, sử dụng nước trên lưu vực để bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa các quy hoạch của các ngành có khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông.

c) Tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước linh hoạt, tôn trọng quy luật tự nhiên, phù hợp với khả năng của nguồn nước. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, nâng cao giá trị sử dụng nước, bảo đảm an ninh nguồn nước và thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm việc chia sẻ nguồn nước giữa các ngành, các vùng, các địa phương trong vùng quy hoạch.

d) Bảo vệ tài nguyên nước trên cơ sở bảo vệ chức năng nguồn nước đáp ứng chất lượng nước cho các mục đích sử dụng, bảo vệ nguồn sinh thủy, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa trên lưu vực sông.

đ) Phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra với phương châm chủ động phòng ngừa là chính để giảm thiểu tối đa tổn thất, bảo vệ di sản, di tích lịch sử văn hóa, ổn định an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm an ninh nguồn nước trên lưu vực sông, tích trữ, điều hòa, phân bổ tài nguyên nước một cách công bằng, hợp lý², khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên nước nhằm đáp ứng nhu cầu nước cho dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái, thảm phủ thực vật và đa dạng sinh học. Bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và tác hại do nước gây ra, có lộ trình phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm³, đáp ứng yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông và thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng bước thực hiện mục tiêu chuyển đổi số quốc gia trên cơ sở xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên nước, bảo đảm kết nối với hệ thống thông tin tài nguyên môi trường, các ngành có khai thác, sử dụng nước.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Tích trữ, điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm hài hòa lợi ích cho các địa phương, các tiểu vùng quy hoạch, các đối tượng sử dụng nước trong vùng, giữa vùng thượng lưu với vùng hạ lưu, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nhằm nâng cao giá trị kinh tế của nước, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với các điều ước quốc tế, hợp tác song phương liên quan đến tài nguyên nước mà Việt Nam đã tham gia;

b) Bảo vệ nguồn nước mặt, nước dưới đất, bảo vệ chức năng nguồn nước, hành lang bảo vệ nguồn nước, nguồn sinh thủy, các nguồn nước có chức năng điều hòa (sông, suối, hồ, ao,...), các nguồn nước có giá trị cao về đa dạng sinh học, lịch sử, văn hóa nhằm từng bước bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời kiểm soát được hoạt động xả nước thải vào nguồn nước từ hoạt động sản xuất và nước thải sinh hoạt không ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước.

c) Bảo đảm lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra, phòng, chống sụt, lún mặt đất;

d) Từng bước phục hồi nguồn nước mặt bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng, ưu tiên đối với các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội; phục hồi mực nước dưới đất tại các khu vực bị suy giảm quá mức;

đ) Quản lý, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên nước bảo đảm kết nối, chia sẻ với hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên môi trường, kết hợp bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định để đánh giá nguồn nước trên lưu vực, giám sát thực hiện quy hoạch, nhằm hỗ trợ điều hòa, phân bổ nguồn nước trong vùng quy hoạch;

g) Phấn đấu đạt được một số chỉ tiêu cơ bản của quy hoạch, gồm:

² Mục tiêu tổng quát của Kết luận số 36/KL-TW của Bộ Chính trị ngày 23 tháng 6 năm 2022 về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

³ Kết luận số 36/KL-TW của Bộ Chính trị ngày 23 tháng 6 năm 2022 về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

- 60% các vị trí duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông được giám sát, có lộ trình giám sát tự động, trực tuyến phù hợp;
- 100% các nguồn nước liên tỉnh được công bố khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải;⁴
- 80% công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước được giám sát vận hành và kết nối hệ thống theo quy định;
- 100% hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị cao về đa dạng sinh học, lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng không được san lấp được công bố và quản lý chặt chẽ;⁵
- 50% nguồn nước được cấm mốc thuộc đối tượng phải cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước;⁶
- 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung;⁷
- 50% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 20% từ các đô thị từ loại V trở lên được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường.⁸
- Bảo vệ nguồn sinh thủy, duy trì, phát triển rừng bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng đạt 54% diện tích.⁹

3. Tầm nhìn đến năm 2050

- a) Duy trì, phát triển tài nguyên nước, điều hòa, phân phối nguồn nước bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ di sản, di tích lịch sử văn hóa và phù hợp với các điều ước quốc tế, hợp tác song phương liên quan đến tài nguyên nước mà Việt Nam đã tham gia;
- b) Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm số lượng, chất lượng nước

⁴ Hiện nay, các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc lưu vực sông Cả đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường giao cho các đơn vị triển khai việc đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường nước phục vụ phát triển kinh tế – xã hội bền vững dự kiến sẽ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sức chịu tải, kế hoạch bảo vệ lưu vực sông trong tháng 11/2023, cho nên việc đề xuất 100% các nguồn nước liên tỉnh được công bố khả năng tiếp nhận nước thải là phù hợp và khả thi.

⁵ Trên lưu vực sông Cả đã có 1/3 tỉnh lập và Ban hành danh mục hồ, ao không được san lấp là Thanh Hóa (Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 04/11/2022). Trong đó, Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đề ra mục tiêu đến năm 2030 hoàn thành việc công danh mục ao, hồ, đầm, phá không được san lấp, do đó việc đề xuất 100% hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị cao về đa dạng sinh học, lịch sử, văn hóa không được san lấp trên lưu vực sông Cả phải được công bố và quản lý chặt chẽ là phù hợp và khả thi.

⁶ Tính đến năm 2023, trên lưu vực sông Cả đã có 02/3 tỉnh ((Thanh Hóa (Quyết định số 5282/QĐ-UBND ngày 26/12/2018); Nghệ An (Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 29/9/2023) công bố danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ theo quy định của Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước. 01/3 tỉnh đã ban hành kế hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước, do đó việc đề xuất 50% nguồn nước được cấm mốc thuộc đối tượng phải cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước là có căn cứ, phù hợp và khả thi.

⁷ Nghị quyết 26/NQ-TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

⁸ Chỉ tiêu này được quy định tại Phụ lục số I Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

⁹ Nghị quyết 26/NQ-TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu tối đa tác hại do nước gây ra. Hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước được thực hiện theo phương thức trực tuyến trên cơ sở quản trị thông minh;

c) Phòng, chống sạt, lở bờ sông, suối có hiệu quả, kiểm soát được cao độ đáy sông, hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông; bố trí lại dân cư ven sông và các biện pháp khác để từng bước nâng cao giá trị cảnh quan ven sông;

d) Kiểm soát được ngập úng do mưa, lũ thông qua các biện pháp phi công trình, công trình trữ nước tại vùng ngập, vùng trũng;

đ) Bổ sung và nâng cao một số chỉ tiêu của quy hoạch, quản lý tổng hợp tài nguyên nước phù hợp với giai đoạn phát triển của quốc gia, ngang bằng với các quốc gia phát triển trong khu vực; bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng cao giá trị sử dụng nước phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới.

3. Nội dung Quy hoạch, gồm những nội dung chính sau đây

Nội dung chính của Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đã thực hiện theo đúng Nhiệm vụ lập Quy hoạch đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, và các quy định của Thông tư số 04/TT-BTNMT ngày 03/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh và được cập nhật, bổ sung các nội dung theo quy định tại Điều 16 Luật Tài nguyên nước năm 2023, các nội dung cập nhật được in nghiêng dưới đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan; hiện trạng quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

b) Dự báo xu thế biến động số lượng, chất lượng nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước cho các ngành trong thời kỳ quy hoạch; phân vùng chức năng nguồn nước; khu vực thường xuyên hoặc có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước; ngưỡng, lượng nước có thể khai thác cho từng đoạn sông, từng khu vực, tầng chứa nước; dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; rà soát, tổng hợp các công trình điều tiết, tích trữ nước, khai thác, sử dụng, phát triển nguồn nước; xác định các vấn đề về tài nguyên nước cần giải quyết trong thời kỳ quy hoạch.

c) Xác định quan điểm, mục tiêu của quy hoạch;

d) Định hướng điều hòa, phân phối, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra bao gồm:

- Phân phối lượng nước, thứ tự ưu tiên để điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước cho các ngành, địa phương, đối tượng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xác định nguồn nước, công trình dự phòng để cấp nước sinh hoạt; chuyên nước lưu vực sông;

- Xác định các đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước có quy mô lớn, có tác động ảnh hưởng liên vùng, liên tỉnh hoặc có tác động lớn đến nguồn nước;

- Giải pháp công trình, phi công trình để bảo vệ nguồn nước, giảm thiểu tác hại do nước gây ra;

- Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm;
- Xác định khu vực, nguồn nước cần ưu tiên lập kế hoạch chi tiết về một hoặc một số nội dung sau: điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

đ) Giải pháp, kinh phí, kế hoạch thực hiện và giám sát việc thực hiện quy hoạch.

4. Giải pháp thực hiện Quy hoạch

a) Tăng cường hoàn thiện thể chế, chính sách, các quy chuẩn về khai thác, sử dụng, tái sử dụng tài nguyên nước;

b) Giải pháp về bảo vệ, phát triển, điều hòa, phân bổ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tái sử dụng nước bảo đảm an ninh tài nguyên nước; giải pháp về khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế; giải pháp về tổ chức và giám sát thực hiện Quy hoạch; giải pháp về giáo dục và tuyên truyền thực hiện Quy hoạch.

5. Tổ chức thực hiện

Quy định phân công trách nhiệm cho Bộ, ngành, địa phương liên quan quản lý, giám sát, tổ chức thực hiện Quy hoạch này.

V. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Các ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương về việc lấy ý kiến góp ý Dự thảo quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được tiếp thu, giải trình và hoàn thiện vào dự thảo Quy hoạch tổng hợp lưu vực Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

Hồ sơ kèm theo Tờ trình

1. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Báo toám tắt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Bản đồ Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Tập văn bản góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý.

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia kính trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TNN, TNNQG.

TỔNG GIÁM ĐỐC

La Đức Dũng

Phụ lục

BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH VÀ SỬA CHỮA Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, TỈNH, ĐỐI TƯỢNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC LỚN TRÊN LƯU VỰC SÔNG “Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, sửa chữa hồ sơ Quy hoạch, như sau:

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý VÀ NỘI DUNG TIẾP THU, SỬA CHỮA

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
I	Ý kiến các Bộ	
I.1	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 6203/BNN-TL ngày 21/8/2024)	
	1. Về nội dung báo cáo tổng hợp	
	a) Căn cứ pháp lý	
I.1.1	- Bổ sung căn cứ Chiến lược Quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021).	Về ý kiến I.1.1: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục Căn cứ pháp lý của Báo cáo tổng hợp.
I.1.2	- Bổ sung Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 4/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước làm căn cứ thực hiện cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình đối với hồ chứa thủy lợi, thủy điện.	Về ý kiến I.1.2: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục Căn cứ pháp lý của Báo cáo tổng hợp.
I.1.3	b) Mục tiêu Đề nghị rà soát mục tiêu “Bảo vệ nguồn sinh thủy, duy trì, phát triển rừng bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng đạt 54% diện tích” để phù hợp với Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (hiện đang trình Chính phủ phê duyệt).	Về ý kiến I.1.3: cơ quan lập quy hoạch cho rằng chỉ tiêu Bảo vệ nguồn sinh thủy, duy trì, phát triển rừng bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng đạt 54% diện tích đã được căn cứ theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
	c) Tài liệu, số liệu phục vụ việc lập quy hoạch	
I.1.4	- Rà soát số liệu về các thông số (chiều dài, diện tích lưu vực...) sông chính và sông nhánh (sông Nậm Mô, sông Giăng, sông La,...) để phù hợp với Quyết định số 1989/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát thống nhất về diện tích các phân vùng và tiểu vùng tại Bảng 13, 14.	Về ý kiến I.1.4: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa xác định lại về số liệu chiều dài, diện tích lưu vực trên các sông thuộc lưu vực sông Cả theo quy định tại Quyết định số 1989/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục lưu vực sông liên tỉnh.
I.1.5	- Đề nghị nghiên cứu xác định mục tiêu, tính toán nhu cầu dùng nước phù hợp với mục tiêu phát triển trồng trọt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1748/QĐ-	Về ý kiến I.1.5: cơ quan lập quy hoạch cho rằng trong quá trình tính toán, dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng nước cho các đối tượng trên lưu vực sông Cả đã nghiên cứu, xem xét các nội dung,

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	TTg ngày 30/12/2023 về Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	mục tiêu phát triển trồng trọt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 về Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
	d) Dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng nước, phân vùng chức năng nguồn nước	
I.1.6	- Đề nghị bổ sung số liệu thuyết minh và đánh giá về tình hình hạ thấp mực nước ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng nước dọc sông Cả.	Về ý kiến I.1.6: cơ quan lập quy hoạch cho rằng thông tin, số liệu phục vụ việc đánh giá tình hình hạ thấp mực nước ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng nước dọc sông Cả được sử dụng dựa trên số liệu quan trắc mực nước tại các trạm thủy văn trên hệ sông Cả, các số liệu quan trắc tại các công trình lấy nước lớn như đập Bara Đô Lương, Cống Nam Đàn và thông tin trao đổi với các đơn vị quản lý, vận hành các công trình trên; ngoài ra còn sử dụng các kết quả nghiên cứu từ các đề nghiên cứu khoa học có nội dung đánh giá diễn biến dòng chảy trên hệ thống sông Cả như: “Nghiên cứu tính toán dòng chảy phục vụ công tác quản lý và sử dụng nguồn nước lưu vực sông Cả trên các ứng dụng mô hình toán và công nghệ viễn thám” năm 2018 và kết quả “Nghiên cứu đánh giá diễn biến dòng chảy mùa cạn tại một số hệ thống thủy lợi lớn trên dòng chính sông Cả” của các tác giả thuộc Viện Quy hoạch thủy lợi thực hiện năm 2020.
I.1.7	- Cập nhật tiêu chuẩn cấp nước dùng cho nông thôn tại mục 4.2.1, gồm Tiêu chuẩn TCVN 13606:2023 cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình- Yêu cầu thiết kế, các chỉ tiêu về nước nông thôn tại Chiến lược cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 (hiện không còn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn).	Về ý kiến I.1.7: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 4.2 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.
I.1.8	- Đề nghị, xem xét kết quả tại Bảng 60 trên cơ sở rà soát lại một số nội dung: (1) Lịch thời vụ của tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh (ví dụ vụ đông xuân từ tháng 1-5, vụ hè thu từ tháng 5-8, 9,...); (2) nhu cầu nước/1ha của lúa hè thu (từ 4.330 đến 5.574 m ³ /ha), lúa mùa (3.620 đến 4.658 m ³ /ha) của một số vùng tại báo cáo là rất thấp; (3) chưa có thông số về mức tưới cho cây màu vụ hè thu, vụ đông; (4) chưa chỉ rõ chỉ tiêu cấp nước cho cây trồng theo tần suất bao nhiêu và cho giai đoạn nào?.	Về ý kiến I.1.8. cơ quan lập quy hoạch cho rằng lịch thời vụ của tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nhu cầu nước tưới được căn cứ theo số liệu của Chi cục Thủy lợi các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và theo lịch tưới thời vụ của các công trình cấp nước do các Công ty thủy nông trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh cung cấp.
I.1.9	- Rà soát kết quả tính toán nhu cầu nước cho các ngành tại báo cáo Quy hoạch, cụ thể nhu cầu đến năm 2030 khoảng 1.429,19 triệu m ³ , trong đó cho trồng trọt (1.081,58 triệu m ³ /năm), thủy sản (142,96 triệu m ³ /năm), chăn nuôi (32,98 triệu m ³ /năm), sinh hoạt (142,64 triệu m ³), công nghiệp (29,03 triệu m ³). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai lập quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cả, tính toán nhu cầu nước đến năm 2030 là	Về ý kiến I.1.8. cơ quan lập quy hoạch cho rằng kết quả tính toán nhu cầu nước của các ngành, các địa phương trên lưu vực sông Cả được căn cứ vào các số liệu hiện trạng, định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong các quy hoạch các tỉnh: Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Bình và quy định về tiêu chuẩn,

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	khoảng 4.514,64 triệu m ³ , trong đó trồng trọt tính với mức đảm bảo 85% (3.666,83 triệu m ³ /năm), thủy sản (89,89 triệu m ³ /năm), chăn nuôi (121,02 triệu m ³ /năm), sinh hoạt (316,67 triệu m ³ /năm), công nghiệp (320,23 triệu m ³ /năm).	định mức sử dụng nước của các đối tượng dự báo nhu cầu nước. Các kết quả tính toán, dự báo nhu cầu nước cũng đã được đánh giá so sánh với các kết quả dự báo nhu cầu nước của Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kết quả dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng nước của các quy hoạch tài nguyên nước các tỉnh, phương án khai thác, sử dụng trong quy hoạch tỉnh trên lưu vực.
I.1.10	- Đối với chức năng nguồn nước trên các hồ, ao, đề nghị rà soát, chỉnh sửa, cập nhật đầy đủ chức năng nguồn nước của các hồ thủy lợi đưa ra trong báo cáo ví dụ như hồ các hồ Xuân Dương Bàu Đá, Quỳnh Tam (khe Thần), Bàu Gia, Bàu Tùy, 3/2, Vệ Vũng, Đồn Húng, Quán Hải, Mã Tô, Nhà Trò, Kê Sắt ngoài nhiệm vụ cấp nước nông nghiệp còn cấp nước sinh hoạt; hồ Vực Máu cấp nước nông nghiệp, sinh hoạt, thủy sản, công nghiệp; hồ Cù Lây Trường Lão cấp nước nông nghiệp, thủy sản, sinh hoạt, giảm lũ cho hạ du; hồ Xuân Hoa, Khe Hao cấp nước nông nghiệp, thủy sản, sinh hoạt, giảm lũ hạ du; hồ Cơn Trường cấp nước nông nghiệp, cải tạo môi trường; hồ Bản Mòng cấp nước nông nghiệp, sinh hoạt, chăn nuôi, thủy sản, phát điện, cải tạo môi trường, giảm lũ hạ du; hồ sông Sào cấp nước nông nghiệp, thủy sản, sinh hoạt;....	Về ý kiến I.1.10: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 4.5 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.
	e) Điều hòa, phân phối nguồn nước	
I.1.11	- Đề nghị bổ sung nhu cầu nước theo các trường hợp tính toán cân bằng nước (hiện tại tần suất 50%, 85%, 2030 tần suất 50%,85%, 2050 tần suất 50%, 85%). Bổ sung tính toán phân phối nguồn nước giai đoạn đến năm 2050.	Về ý kiến I.1.11. cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc dự báo nhu cầu nước trong quy hoạch được thực hiện theo quy định của Điều 19 Thông tư số 04/2020/TT-BTNMT quy định kỹ thuật lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh. Kết quả tính toán nhu cầu nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước được tính, tính toán cho từng thời đoạn trong kỳ quy hoạch với tần suất nước đến 50%, 85% và được thể hiện chi tiết tại Mục 5.2 Chương 5 Báo cáo tổng hợp. Đối với phân phối nguồn nước có thể khai thác, sử dụng và có thể phân bổ đã được tính toán theo tháng, mùa đến năm 2025, 2030, 2035 và đến năm 2050 được thể hiện chi tiết trong mục 5.1 Chương 5 Báo cáo tổng hợp.
I.1.12	- Rà soát, khẳng định lại tính chính xác tại báo cáo của nội dung sau “Trên sông Cả: với hệ thống các hồ Bản Vẽ, Khe Bó, Chi Khê, trong đó hồ Bản Vẽ có khả năng cắt lũ theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Cả và điều tiết lũ hạ lưu cùng với hệ thống các đê chính, đê bồi và đê nội đồng kiên cố bảo vệ được các trận lũ với tất suất đê chính là 500 năm. Vì vậy, lượng tràn bờ, bãi sông trên dòng chính sông Cả là gần như không có” tại mục 5.1.1.1.	Về ý kiến I.1.12. cơ quan lập quy hoạch cho rằng theo Quyết định 1605/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Cả và quy trình vận hành hồ chứa của hồ Bản Vẽ, hồ Bản Vẽ thì các hồ này có chức năng điều tiết lũ cho hạ lưu kết hợp với hệ thống đê kiên cố ở hạ lưu sông Cả để cắt lũ cho vùng

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
		hạ lưu.
	f) Xác định công trình điều tiết, khai thác, phát triển tài nguyên nước	
I.1.13	<p>- Việc đề xuất các công trình điều tiết, khai thác, phát triển tài nguyên nước trên lưu vực sông chỉ dựa vào kết quả cân bằng nước của các khu vực để xác định quy mô, nhiệm vụ công trình là chưa đầy đủ cơ sở. Đề đảm bảo thống nhất, tránh chồng chéo và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực lập quy hoạch, việc đề xuất danh mục công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai sẽ được nghiên cứu cụ thể, đầy đủ (vị trí, quy mô, nhiệm vụ) và đề xuất tại quy hoạch thủy lợi, quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đề, quy hoạch đề điều do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì lập</p>	<p>Về ý kiến I.1.13. cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc đề xuất các công trình điều tiết, khai thác, phát triển tài nguyên nước trên lưu vực sông được quy định quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Luật Tài nguyên nước năm 2023 quy định nội dung của Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh có danh mục các công trình điều tiết, khai thác, phát triển tài nguyên nước. Đồng thời, đây là một trong những nguyên tắc, căn cứ và điều kiện để cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.</p> <p>Về thực tiễn, công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước không chỉ là các công trình thủy lợi, mà còn có các công trình thủy điện, hồ chứa, đập dâng đa mục tiêu phục vụ phát triển tài nguyên nước, công trình khai thác nước dưới đất, khai thác nước mặt phục vụ cấp nước đô thị, nông thôn. Về danh mục công trình điều tiết nêu trên, Ủy ban nhân dân các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đã có đề xuất bổ sung công trình (hiện có và dự kiến) vào Danh mục công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước.</p> <p>Do vậy, việc quy định danh mục các công trình điều tiết, khai thác, phát triển tài nguyên nước là bảo đảm quy định của pháp luật và là một trong những nội dung chính của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông.</p>
I.1.14	<p>- Tại mục 5.4.3- Đề xuất xây dựng, bổ sung công trình, đề nghị: (1) bỏ danh mục hồ đập, Bara Đô Lương, và hệ thống Đô Lương do hệ thống Đô Lương đã được nâng cấp theo dự án Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An”; (2) bổ sung danh mục công trình hồ Trại Dơi được phê duyệt tại Quyết định 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023; (3) chỉnh sửa, bổ sung mục đích khai thác của các hồ thủy lợi cho đầy đủ (như hồ sông Sào cấp nước nông nghiệp, thủy sản, sinh hoạt; hồ Thác Muối cấp nước nông nghiệp, sinh hoạt, phát điện, tham gia chống lũ, bổ sung nước cho hạ lưu trong mùa kiệt;...)</p>	<p>Về ý kiến I.1.14: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 5.4 Chương 5 Báo cáo tổng hợp.</p>
I.1.15	<p>- Tại Phụ lục IX, đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ các chức năng nguồn nước các hồ, ao thủy lợi (hiện mục đích khai thác của nhiều hồ thủy lợi chưa đầy đủ); chỉnh sửa bổ sung danh mục hồ chứa, đập dâng quy hoạch đến năm 2030 theo góp ý; chỉnh sửa hồ Ngàn Trươi, Bản Mòng là những hồ thủy lợi.</p>	<p>Về ý kiến I.1.15: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Phụ lục IX Báo cáo tổng hợp.</p>
	g) Các nội dung phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra	

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
I.1.16	- Bổ sung đánh giá nguyên nhân sạt lở, phân loại sạt lở để làm cơ sở đề xuất các giải pháp phòng, chống, khắc phục sạt lở bờ sông (báo cáo chỉ dừng lại ở bước thông kê các vị trí sạt lở).	Về ý kiến I.1.16: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 7.1 Chương 7 Báo cáo tổng hợp.
I.1.17	- Bổ sung nội dung đánh giá xâm nhập mặn do các nguyên nhân khác ngoài lý do khai thác nước ngầm (như tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng...)	Về ý kiến I.1.17: cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc đánh giá diễn biến xâm nhập mặn các tầng chứa nước vùng ven biển trong phạm vi Quy hoạch đã được đánh giá theo các nguyên nhân như: gia tăng thăm dò, khai thác nước dưới đất, tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng (Kịch bản BĐKH) bằng phương pháp mô hình dòng chảy, cụ thể là mô hình FEFLOW.
I.1.18	- Đối với nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá diễn biến dòng chảy, bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, đề xuất phương án giám sát, biện pháp giảm thiểu tác động đến diễn biến dòng chảy, tình trạng bồi lắng, sạt lở lòng, bờ, bãi sông lưu vực sông Cà tại Bảng 155- Danh mục các nhiệm vụ, dự án: đề nghị điều chỉnh cơ quan chủ trì thực hiện từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” thành “các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao”.	Về ý kiến I.1.18: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 10.4 Chương 10 Báo cáo tổng hợp.
2. Về nội dung dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch		
I.1.19	- Điều chỉnh nội dung tại điểm b khoản 7 mục IV Điều 1: “b) Quản lý không gian tiêu thoát nước, bảo đảm lưu thông dòng chảy trên các sông, suối theo quy định. Các dự án kè bờ, gia cố bờ sông, san, lấp, lấn sông, cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông phải bảo đảm các yêu cầu quy định về bảo vệ hành lang nguồn nước và quy định của pháp luật về <i>đê điều, phòng, chống thiên tai, quản lý lòng, bờ, bãi sông;</i> ”	Về ý kiến I.1.19: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục Giải pháp thực hiện trong dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch.
I.1.20	- Đề nghị bỏ nội dung về xây dựng đê điều phải phù hợp với các quy hoạch về tiêu, thoát nước, chống ngập úng quy định tại điểm a khoản 9 mục IV Điều 1, do không phù hợp với quy định của luật Đê điều.	Về ý kiến I.1.20: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục Nội dung quy hoạch trong dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch.
I.1.21	- Điều chỉnh nội dung tại điểm g khoản 2 mục V Điều 1: “g) Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa trên lưu vực sông Cà, hướng tới việc vận hành các hồ chứa theo thời gian thực, nhằm tối ưu hóa việc điều tiết nguồn nước cho các mục đích sử dụng.”	Về ý kiến I.1.21: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục Giải pháp thực hiện trong dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch.
I.1.22	- Sửa nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 2 quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức đo đạc, quan trắc dòng chảy các sông liên tỉnh; lập bản đồ sạt lở bờ sông tại các khu vực sạt lở bờ sông phức tạp thành “Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức đo đạc, quan trắc dòng chảy các sông liên tỉnh; lập bản đồ sạt lở bờ sông tại các khu vực sạt lở bờ sông phức tạp” để phù hợp chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành liên quan.	Về ý kiến I.1.22: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Điều 2 trong dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch.
I.1.23	- Đề nghị bỏ nội dung điểm a khoản 2 Điều 2: “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, điều chỉnh hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác có liên quan phù hợp với Quy hoạch này”, vì đây là những quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành cùng thứ bậc. Do vậy,	Về ý kiến I.1.22: cơ quan lập quy hoạch đã rà soát, chỉnh sửa để bảo đảm đúng với quy định của pháp luật và quy hoạch cấp cao hơn.

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	trường hợp các quy hoạch này có mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch cao hơn.	
I.1.24	- Điều chỉnh điểm c khoản 2 Điều 2: “Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, hồ chứa để chủ động ứng phó, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo quy định” thành “Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, hồ chứa để ứng phó, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước do thiên tai gây ra”.	Về ý kiến I.1.24: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Điều 2 trong dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch.
I.1.25	- Điều chỉnh nội dung tại điểm g khoản 2 Điều 2: “...Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối, hệ thống kênh, mương thủy lợi, công trình trữ nước phân tán, công trình để điều, phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu phục vụ đa mục tiêu và hiệu quả.”	Về ý kiến I.1.25: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Điều 2 trong dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch.
I.1.26	- Bổ sung vào khoản 2 Điều 2 trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về “Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện việc điều tiết nước hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn”.	Về ý kiến I.1.26: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Điều 2 trong dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch.
I.2	Bộ Quốc phòng (Công văn số 3104/BQP-KHQs ngày 05/8/2024)	
I.2.1	Bổ sung thông tin, dữ liệu, đánh giá sự phù hợp, xác định các giải pháp của Quy hoạch để không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Lý do: Trong dự thảo Hồ sơ quy hoạch chưa có nội dung này.	Về ý kiến I.2.1. cơ quan lập quy hoạch cho rằng các thông tin, tài liệu, số liệu phục vụ lập quy hoạch đã được thu thập, điều tra khảo sát theo đúng các quy định được quy định tại Điều 16 của Thông tư số 04/2020/TT-BTNMT quy định kỹ thuật lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, trong đó đã có sử dụng các tài liệu và số liệu điều tra, quan trắc tài nguyên nước, khai thác sử dụng nước phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh vùng biên giới Việt – Lào; các tài liệu, số liệu phục vụ lập quy hoạch đã được thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định 1660/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành danh mục bí mật nhà nước lĩnh vực tài nguyên và môi trường và các quy định khác có liên quan.
I.2.2	Bổ sung nội dung phối hợp với cơ quan, đơn vị của Quân đội trên địa bàn quy hoạch để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quy hoạch. Lý do: Để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả khi triển khai thực hiện Quy hoạch và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước.	Về ý kiến I.2.2. cơ quan lập quy hoạch đã rà soát, bổ sung nội dung phối hợp với cơ quan, đơn vị của Quân đội trên địa bàn quy hoạch để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quy hoạch đúng với các quy định của pháp luật.
3	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Công văn số 3433/BVHTTDL-KHTC ngày 13/8/2024)	
I.3.1	1. Ý kiến chung: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng, sự tác động của Quy hoạch đến hệ thống di sản văn hóa trong phạm vi quy hoạch để đề xuất giải pháp duy trì, bảo vệ dòng chảy, phòng	Về ý kiến I.3.1. cơ quan lập quy hoạch cho rằng trong quá trình lập Quy hoạch các nội dung liên quan đến Văn hóa, thể thao và du lịch đã được xem xét thực hiện thông qua việc đánh giá tình

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	<p>chống và khắc phục sạt lở, bảo vệ hệ thống di tích, di chỉ khảo cổ, không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể liên quan, phù hợp với Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các tỉnh/thành phố liên quan. Đồng thời, đề nghị rà soát các nội dung trong phương án Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các ngành kinh tế, đặc biệt đối với ngành du lịch.</p>	<p>hình khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông Cả, trong đó có việc khai thác, sử dụng nước cho các hoạt động văn hóa du lịch và đây cũng là một trong những tiêu chí để xác định chức năng nguồn nước, nhu cầu nước và đề xuất giải pháp duy trì, bảo vệ dòng chảy, phòng chống và khắc phục sạt, lở bờ sông... ngoài ra nội dung đánh giá hiện trạng hệ thống di sản văn hóa trong phạm vi quy hoạch đã thể hiện trong mục 2.1 Chương 2 Báo cáo tổng hợp; trong quá trình xác định chức năng nguồn nước tại mục 4.5 Chương 4 Báo cáo tổng hợp, chức năng nguồn nước phục vụ cho các mục đích du lịch, dịch vụ, văn hóa, tín ngưỡng cũng đã được xem xét, đề xuất.</p>
	2. Một số ý kiến cụ thể:	
I.3.2	<p>2.1. Tại mục “2.1 Đặc điểm tự nhiên” (trang 17 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung đầu mục nội dung về đặc điểm tài nguyên du lịch tự nhiên; trong đó, phân tích, đánh giá cụ thể về các tài nguyên du lịch tự nhiên hiện đang khai thác cũng như các tài nguyên có tiềm năng khai thác cho phát triển du lịch trong tương lai lưu vực sông Cả.</p>	<p>Về ý kiến I.3.2: cơ quan lập quy hoạch cho rằng nội dung đánh giá hiện trạng hệ thống di sản văn hóa trong phạm vi quy hoạch đã được thực hiện trong mục 2.1.6 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.</p>
I.3.3	<p>2.2. Tại tiểu mục “2.1.6 Đặc điểm các khu du lịch, khu bảo tồn, di sản thiên nhiên” (trang 24 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung nội dung đánh giá đặc điểm các khu du lịch trong lưu vực sông Cả, đặc biệt là các địa điểm có tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia được xác định tại Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	<p>Về ý kiến I.3.3: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 2.1 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.</p>
I.3.4	<p>2.3. Tại mục “7. Du lịch” (trang 38 Báo cáo tổng hợp), đề nghị chỉnh sửa nội dung mục này thành “Lưu vực sông Cả nằm ở trung tâm vùng Bắc Trung Bộ với địa hình đa dạng, có biển đảo, đồng bằng, trung du và miền núi nhiều cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng giao thông phát triển và toàn diện, có hầu hết các cơ sở hạ tầng cần thiết phục vụ du lịch và thương mại, như, sân bay quốc tế (sân bay Vinh), các cảng biển, đường sắt, và đường cao tốc có nhiều tiềm năng và thuận lợi cho phát triển du lịch. Theo số liệu NGTK năm 2023 số lượng khách du lịch nội địa đến Nghệ An đạt 7,9 triệu lượt khách, đến Hà Tĩnh đạt 0,7 triệu lượt khách. Trong đó, ngành du lịch tỉnh Nghệ An có sự phát triển hơn so với tỉnh Hà Tĩnh: (i) đã xây dựng được các sản phẩm du lịch đặc thù: du lịch biển Cửa Lò, Di sản Dân ca ví, giặm...; (ii) hình thành các điểm đến có thương hiệu: với 02 địa điểm có tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia là Kim Liên và Vinh - Diễn Châu; Vườn quốc gia Pù Mát... cùng các di tích cấp quốc gia đặc biệt: Khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Liên; Địa điểm Mốc số 0 - Đường chiến lược Hồ Chí Minh; Khu lưu niệm Phan Bội Châu... và hơn 134 di tích cấp quốc gia; (iii) hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch phát triển mạnh, nhất là hệ thống cơ</p>	<p>Về ý kiến I.3.4: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 2.2 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.</p>

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	sở lưu trú (toàn tỉnh 872 khách sạn, nhà nghỉ, trong đó có 3 khách sạn 5 sao) nhiều gấp 3,3 lần so với Hà Tĩnh”.	
I.3.5	2.4. Tại mục “4.1. Đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước” (trang 118 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt và nước dưới đất cho các dịch vụ du lịch.	Về ý kiến I.3.5: cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước tài nguyên nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước đã được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 04/2020/TT-BTNMT ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, trong đó đã có nội dung đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt và nước dưới đất cho các dịch vụ du lịch.
I.3.6	2.6. Tại điểm “4.2.1.4. Chỉ tiêu phát triển của các ngành kinh tế - xã hội” (trang 142 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung nội dung định hướng phát triển ngành du lịch.	Về ý kiến I.3.6: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 4.2 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.
I.3.7	2.7. Tại tiêu mục “4.2.1. Chỉ tiêu, tiêu chuẩn sử dụng nước” (trang 136 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung nội dung tính toán nhu cầu sử dụng nước cho du lịch và tại “4.2.2. Nhu cầu khai thác, sử dụng nước” (trang 145 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung du lịch - dịch vụ vào các đối tượng sử dụng nước để tính toán nhu cầu nước cho từng giai đoạn: năm 2023, năm 2030 và năm 2050.	Về ý kiến I.3.7: cơ quan lập quy hoạch cho rằng nội dung tính toán nhu cầu sử dụng nước cho du lịch đã được thực hiện trong Quy hoạch, cụ thể là nhu cầu này đã được cùng với nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt tại các khu đô thị, khu tập trung dân cư có hoạt động du lịch, dịch vụ.
I.3.8	2.8. Tại nội dung phân vùng chức năng nguồn nước (trang 167 Báo cáo tổng hợp), việc phân đoạn sông trong kỳ quy hoạch cần xác định cụ thể các đoạn sông chảy qua khu du lịch, các di tích lịch sử nhằm bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 04/TT-BTNMT ngày 03/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh và Điều 16 Luật Tài nguyên nước năm 2023. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung bảo vệ chất lượng nước, môi trường các khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được kiểm kê trong lưu vực sông; các chỉ tiêu quan trọng cho phát triển du lịch như: dự báo lượng khách du lịch, thời gian lưu trú trung bình, quy mô hệ thống cơ sở lưu trú của các tỉnh trong quy hoạch lưu vực sông Cả.	Về ý kiến I.3.8: cơ quan lập quy hoạch cho rằng nội dung phân vùng chức năng nguồn nước, việc phân đoạn sông trong kỳ quy hoạch cần xác định cụ thể các đoạn sông chảy qua khu du lịch, các di tích lịch sử nhằm bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 04/TT-BTNMT ngày 03/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh và Điều 16 Luật Tài nguyên nước năm 2023, trong quá trình xác định chức năng nguồn nước trên các sông liên tỉnh, liên quốc gia thuộc lưu vực sông Cả, đã xác định các đoạn sông có chức năng du lịch, dịch vụ trong đó bao gồm cả các khu du lịch, khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh...
I.3.9	2.9. Tại “Bảng 119. Lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo tháng đến năm 2030 trong điều kiện bình thường” (trang 245 Báo cáo tổng hợp), đề nghị rà soát, bổ sung lượng nước phân bổ cho ngành du lịch khai thác, sử dụng năm 2030 theo tháng.	Về ý kiến I.3.9: cơ quan lập quy hoạch cho rằng lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo tháng đến năm 2030 trong điều kiện bình thường cho các dịch vụ, du lịch đã được lồng ghép trong lượng nước phục vụ cho sinh hoạt, dịch vụ.

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
I.3.10	2.10. Tại chương “IX. Tích hợp đánh giá môi trường chiến lược” (trang 325 Báo cáo tổng hợp), đề nghị bổ sung quan điểm mục tiêu bảo vệ môi trường được lựa chọn; đánh giá sự phù hợp của Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia ban hành tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ; đánh giá, so sánh các phương án phát triển đề xuất trong Quy hoạch.	Về ý kiến I.3.10: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 9 Báo cáo tổng hợp.
	2.11. Đối với Báo cáo môi trường chiến lược:	Các ý kiến đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch, sẽ được tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa trong Báo cáo ĐMC.
I.4	Bộ Xây dựng (Công văn số 5090/BXD-HTKT ngày 30 tháng 8 năm 2024)	
	1. Về nội dung thuyết minh Báo cáo tổng hợp:	
I.4.1	- <i>Tại Mục 1.5 Chương I:</i> Đề nghị rà soát, thống nhất phạm vi ranh giới lập quy hoạch trong báo cáo tổng hợp (gồm 4 tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa và Quảng Bình) với phạm vi ranh giới đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 2295/QĐ-BTNMT ngày 14/8/2023 về việc phê duyệt nội dung và dự toán Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gồm 3 tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa) làm cơ sở triển khai thực hiện.	Về ý kiến I.3.9: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, sau khi Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả được phê duyệt, trong quá trình lập Quy hoạch, căn cứ theo Quyết định số 1989/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Danh mục sông liên tỉnh, Quyết định số 1757/QĐ-BTNMT về việc ban hành nguồn nước liên tỉnh và nguồn nước liên quốc gia, đã chính xác hóa lại ranh giới lập quy hoạch trong báo cáo tổng hợp (gồm 4 tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa và Quảng Trị). Ngoài ra, diện tích tỉnh Quảng Trị nằm trên lưu vực sông Cả rất nhỏ, chỉ chiếm 0,5% tổng diện tích lưu vực.
I.4.2	- <i>Tại Mục 1.10 Chương I:</i> Bổ sung các tài liệu về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tài liệu báo cáo rà soát các nguồn thải lớn và quản lý ô nhiễm lưu vực sông trên địa bàn của các tỉnh thuộc lưu vực sông Cả (LVS Cả).	Về ý kiến I.4.2: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, các tài liệu phục vụ quy hoạch đã được căn cứ theo đúng yêu cầu tại Điều 15 Thông tư số 04/2020/TT-BTNMT ngày 03/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
I.4.3	- <i>Tại Mục 2.4 Chương II:</i> Bổ sung số liệu cụ thể về số lượng, chất lượng nước sử dụng của các ngành, lĩnh vực có khai thác, sử dụng nước (như sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt), nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp ;...) và các hoạt động điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển tài nguyên nước của các địa phương thuộc LVS Cả làm cơ sở phân tích, đánh giá dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước.	Về ý kiến I.4.3: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Tài nguyên nước, nội dung yêu cầu bao gồm hiện trạng quản lý, bảo vệ, điều hoà, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra đã được thể hiện chi tiết tại Mục 2.4 Chương II Báo cáo tổng hợp. Đối với việc đánh giá chất lượng nước đã được thể hiện chi tiết tại Mục 3.1 Chương III Báo cáo tổng hợp
I.4.4	- <i>Tại Chương IV:</i> Bổ sung so sánh nhu cầu sử dụng nước (tại Mục 4.2) với hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước (tại Mục 4.1) làm cơ sở đề xuất các giải pháp phân bổ nguồn nước phù hợp cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên LVS Cả.	Về ý kiến I.4.4: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, nội dung so sánh nhu cầu sử dụng nước với hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước đã được thể hiện trong Mục 4.3 và 4.4 Chương 4

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
I.4.5	<p>- <i>Tại Mục 5.4 Chương V:</i> Bổ sung nội dung xác định nguồn nước, vị trí chuyển nước, thời gian chuyển nước và lượng nước có thể chuyển; đánh giá ảnh hưởng của việc chuyển nước đến khai thác, sử dụng nước, duy trì dòng chảy và tác động đến hệ sinh thái thủy sinh, đặc biệt trong mùa khô.</p>	<p>Báo cáo tổng hợp</p> <p>Về ý kiến I.4.5: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, nội dung chuyển nước đã được thể hiện tại Mục 5.4 Chương 5 Báo cáo tổng hợp</p>
	<p>- <i>Tại Chương VI:</i></p>	
I.4.6	<p>+ Nghiên cứu bổ sung giải pháp quản lý, bảo vệ các khu vực điểm lấy nước, các công trình cấp nước đô thị tại các địa phương thuộc LVS Cả, đảm bảo phù hợp với QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;</p>	<p>Về ý kiến I.4.6: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, giải pháp bảo vệ nguồn nước đã được thể hiện chi tiết trong Mục 10.1 Chương 10 Báo cáo tổng hợp. Đối với việc bảo vệ các công trình cấp nước đô thị tại các địa phương thuộc LVS Cả không nằm trong phạm vi quy hoạch này.</p>
I.4.7	<p>+ Đề nghị nghiên cứu rà soát, cập nhật nội dung bảo vệ nguồn nước cấp nước sinh hoạt đặc biệt là nguồn nước sông Đào và hạ lưu dòng chính sông Cả để cấp nước cho thành phố Vinh và vùng phụ cận đảm bảo phù hợp với định hướng quản lý, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước của Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022.</p>	<p>Về ý kiến I.4.6: cơ quan lập quy hoạch đã cập nhật, bổ sung trong Chương VI Báo cáo tổng hợp</p>
I.4.8	<p>- <i>Tại Chương VII:</i> Bổ sung tình hình quản lý trong bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra của các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương thuộc LVS Cả; phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp công trình, phi công trình trong phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.</p>	<p>Về ý kiến I.4.7 cơ quan lập quy hoạch cho rằng tình hình quản lý trong bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra của các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương thuộc LVS Cả đã được tổng hợp, thể hiện trong Mục 2.4 Chương 2 Báo cáo tổng hợp</p>
I.5	Bộ Công Thương (Công văn số 7019/BCT-KHTC ngày 12 tháng 9 năm 2024)	
	Ý kiến Chung	
I.5.1	<p>Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông nói chung, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả nói riêng là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa Quy hoạch sử dụng tài nguyên nước. Vì vậy, đề nghị làm rõ sự phù hợp, tính kết nối, mức độ cụ thể hóa của Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả với Quy hoạch sử dụng tài nguyên nước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022.</p>	<p>Về ý kiến I.5.1: cơ quan lập quy hoạch cho rằng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, theo quy định phải được cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Do vậy, quá trình lập quy hoạch đã tiến hành tổng hợp, rà soát, nghiên cứu nội dung các Nghị quyết của Trung ương, các quy hoạch tỉnh, quy hoạch tài nguyên nước quốc gia (Quyết định số 1622/QĐ-TTg), kết hợp với đánh giá về đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng quy hoạch để cụ thể hóa, xây dựng các nội dung của quy hoạch. Qua đó, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đã phân chia vùng quy hoạch thành các tiểu vùng và các phân khu tính</p>

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
		toán (gồm 08 tiêu vùng quy hoạch, 03 vùng phụ cận và thành 78 phân khu tính toán) xuyên suốt quá trình đánh giá, dự báo, xây dựng các nội dung phân bổ, bảo vệ và phòng, chống tác hại do nước gây ra trên phạm vi lưu vực sông Cả; quy định cụ thể chức năng nguồn nước và dòng chảy tối thiểu đối với các sông chính, quan trọng trong phạm vi vùng quy hoạch; xây dựng các giải pháp thực hiện quy hoạch và quy định trách nhiệm cụ thể đối với từng bộ, địa phương có liên quan nhằm tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch bảo đảm hiệu quả
I.5.2	Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực công thương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gồm: Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia; Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản; Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 phê duyệt Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia; Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 23/4/2024 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản; Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 24/4/2024 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia; Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 25/4/2024 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia. Vì vậy đề nghị Cơ quan lập quy hoạch rà soát, cập nhật để đảm bảo thống nhất.	Về ý kiến I.5.1: cơ quan lập quy hoạch đã rà soát, cập nhật các quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia bảo đảm thống nhất giữ các quy hoạch, kế hoạch
	Ý kiến cụ thể	
I.5.4	- Đối với các thông tin về các công trình sử dụng, khai thác nước, đề nghị rà soát, chỉnh sửa, chuẩn xác thông tin về các công trình hồ chứa, đập dâng, công trình thủy điện tại Phụ lục VIII thuộc Dự thảo Quyết định phê duyệt và Mục 1 Phụ lục IX Báo cáo tổng hợp như sau: (i) Chỉnh lý quy mô công suất Hồ Ngàn Trươi (trong danh mục công trình hồ chứa, đập dâng hiện có) thành 25,5 MW (theo Quyết định số 653/QĐ-BCT ngày 18/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương); ii) Rà soát, cập nhật và điều chỉnh danh mục công trình hồ chứa, đập dâng quy hoạch đảm bảo sát thực tế và thống nhất với Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như: Các công trình hồ, đập, nhà máy thủy điện Bara Đô lương (20,4MW), Bản Bùng (45MW), Tiền Phong (6MW), Cẩm Sơn (36MW) chưa có trong Quy hoạch và Kế	Về ý kiến I.3.10: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 5 và Phụ lục Báo cáo tổng hợp.

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	hoạch thực hiện của Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; Các hồ chứa đập dâng Suối Choang, Bản Mòng, Châu Thôn hiện chưa đưa vào vận hành.	
I.5.5	Lưu vực thượng nguồn lưu vực sông Cả có phạm vi lớn nằm trên địa phận quốc gia khác (Lào). Vì vậy, dữ liệu thông tin về nguồn nước là quan trọng phục vụ công tác chỉ đạo, vận hành các công trình khai thác nước. Dự thảo Quy hoạch có đưa ra giải pháp về khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế; tại phần tổ chức thực hiện cần nêu rõ hơn nhiệm vụ, trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân có liên quan để đảm bảo tính khả thi. Ngoài ra, lưu ý việc trao đổi, thống nhất với nước bạn về điều tiết dòng chảy, đảm bảo sự vận hành của sông Cả trên lãnh thổ Việt Nam trong hoạt động sản xuất và vận tải thủy.	Về ý kiến I.3.10: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 10 Báo cáo tổng hợp.
I.6	Bộ Giao thông vận tải (Công văn số 9974/BGTVT-KHĐT ngày 17 tháng 9 năm 2024)	
I.6.1	1. Phần căn cứ Đề nghị bổ sung Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.	Về ý kiến I.6.1: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 1 Báo cáo tổng hợp.
I.6.2	+ Điểm a (trang 15) về nhiệm vụ của Bộ GTVT “ <i>Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy phù hợp với Quy hoạch này</i> ”. Theo quy định của Luật Quy hoạch: Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là quy hoạch ngành quốc gia, cấp cao hơn các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, trong đó có Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo quy định tại Điều 53 Luật Quy hoạch, một trong những căn cứ điều chỉnh quy hoạch được quy định Khoản 2: “ <i>có sự điều chỉnh của quy hoạch cao hơn làm thay đổi nội dung quy hoạch hoặc có sự mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp</i> ”. Như vậy, nội dung dự thảo Quyết định tại điểm a Khoản 4 Điều 2 (trang 15) về nhiệm vụ của Bộ GTVT “ <i>Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy phù hợp với Quy hoạch này</i> ” là không phù hợp Luật Quy hoạch. Đề nghị bỏ nội dung này trong dự thảo Quyết định.	Về ý kiến I.6.2: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch
I.6.3	+ Điểm b (trang 15): “ <i>Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, độ sâu luồng lạch, tăng cường kiểm tra, giám sát các tuyến đường thủy nội địa hiện có trên vùng quy hoạch</i> ”. Lưu vực sông Cả hiện có đoạn tuyến đường thủy nội địa trung ương dài 157,4 km có tên là sông Lam do Bộ GTVT quản lý, các tuyến đường thủy khác thuộc lưu vực sông Cả do địa phương quản lý. Do vậy, đề nghị sửa điểm b và điểm c Khoản 4 Điều 2 dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ như sau: “ <i>Quản lý và bảo vệ KCHT giao thông đường thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa trung ương, bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy, độ sâu luồng lạch, tăng cường kiểm tra, giám sát các tuyến đường thủy nội địa trung ương hiện có trên vùng quy hoạch</i> ”.	Về ý kiến I.6.3: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	Đồng thời, đề nghị bổ sung nội dung nêu trên trong Khoản 11 Điều 2 giao nhiệm vụ các tỉnh, thành phố trong vùng quy hoạch triển khai thực hiện đối với các tuyến đường thủy nội địa do địa phương quản lý.	
I.6.4	<p>- Điểm c (trang 15) “<i>Tổ chức điều tra cơ bản khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong hoạt động giao thông đường thủy, hằng năm tổng hợp, gửi kết quả về Bộ TN&MT để cập nhật, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả điều tra và tích hợp, chia sẻ cho Bộ TN&MT và các địa phương theo quy định</i>”.</p> <p>Bộ GTVT chỉ tổ chức quản lý hoạt động giao thông đường thủy các tuyến đường thủy nội địa trung ương, không có chức năng điều tra cơ bản khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Do vậy, đề nghị không đưa nội dung nêu trên trong quy định nhiệm vụ của Bộ GTVT.</p>	Về ý kiến I.6.4: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch
I.7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 7926/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2024)	
	1. Về dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch	
I.7.1	-Đề nghị bổ sung một số văn bản có liên quan như: Nghị quyết số 108/NQ-CP của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời rà soát bổ sung thêm quy hoạch ngành quốc gia có liên quan vào căn cứ ban hành.	Về ý kiến I.7.1: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch
I.7.2	-Theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII), lưu vực sông Cả sẽ phát triển một số công trình thủy điện nhỏ. Tuy nhiên, nội dung này chưa được nghiên cứu, đánh giá và đưa vào Danh mục các công trình tham gia điều tiết nguồn nước trên lưu vực tại Phụ lục kèm theo Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường làm việc với Bộ Công Thương để cập nhật các nội dung liên quan trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII để hoàn thiện Quy hoạch này.	Về ý kiến I.7.2: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch
I.7.3	- Mục IV Điều 1 về nội dung quy hoạch, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định: “Trong kỳ Quy hoạch này, không bổ sung vào quy hoạch các công trình chuyển nước trên dòng chính sông Cả”.	Về ý kiến I.7.3: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch
I.7.4	- Mục V Điều 1 về giải pháp thực hiện quy hoạch, đề nghị bổ sung:	Về ý kiến I.7.4: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	<p>+ Nhu cầu vốn thực hiện Quy hoạch, chính sách và giải pháp thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch.</p> <p>+ Nghiên cứu về xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng nước trong từng lĩnh vực để sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nước, chống thất thoát, lãng phí nước; quy định hoàn trả lòng sông, lòng hồ khi các dự án thủy điện, thủy lợi hết thời gian vận hành.</p>	<p>sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch</p>
I.7.5	<p>+ Mục 5 Điều 2, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát lại nhiệm vụ giao Bộ Công thương “Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch có khai thác, sử dụng nước phải xem xét, đánh giá, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch này và đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn, sử dụng nước hiệu quả và hài hòa lợi ích giữa các ngành”. Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) được xây dựng công phu, được sự quan tâm đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học và đã chỉnh sửa nhiều lần theo các chỉ đạo của Chính phủ trước khi ban hành. Do đó đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Công Thương rà soát các nội dung Quy hoạch lưu vực sông Cả đảm bảo phù hợp 02 quy hoạch do Bộ Công Thương chủ trì.</p>	<p>Về ý kiến I.7.5: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành nhằm làm rõ các mục tiêu của Quy hoạch tài nguyên nước (Quy hoạch quốc gia) và đã có rà soát, bổ sung đối với các Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)</p>
	<p>2. Về nội dung của Báo cáo tổng hợp Quy hoạch</p>	
I.7.6	<p>- Mục 1.1 về căn cứ lập quy hoạch: để đảm bảo tính đồng bộ giữa các quy hoạch, đề nghị đơn vị lập Quy hoạch lưu vực sông Cả:</p> <p>+ Rà soát thay thế các văn bản sau: Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch thành Nghị quyết số 61/2022/UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thành Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>+ Bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định phê duyệt quy hoạch có liên quan đến lưu vực sông Cả gồm: Luật Đê điều năm 2006; Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 4 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 về phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; 957/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2020 về phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030; 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 về phê duyệt chiến lược quốc gia phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,</p>	<p>Về ý kiến I.7.6: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 1 Báo cáo tổng hợp.</p>

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; 377/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
I.7.7	- Mục 2.2. về tình hình phát triển kinh tế - xã hội: Đề nghị rà soát và bổ sung các thông tin về phát triển kinh tế - xã hội với tỉnh Quảng Bình.	Về ý kiến I.7.7: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, phần diện tích tỉnh Quảng Bình nằm trong lưu vực sông Cả rất nhỏ, chỉ chiếm 0,5% diện tích lưu vực sông Cả thuộc lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, phần diện tích này nằm trong khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, cho nên không có các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội
I.7.8	- Mục 2.2.2 về định hướng phát triển kinh tế- xã hội: Đề nghị bổ sung thêm mục định hướng bảo tồn các vườn quốc gia, khu bảo tồn, khu dự trữ thiên nhiên (là các đối tượng cần được duy trì nguồn cấp nước tự nhiên) trên lưu vực.	Về ý kiến I.7.7: cơ quan lập quy hoạch cho rằng nội dung định hướng bảo tồn các vườn quốc gia, khu bảo tồn, khu dự trữ thiên nhiên đã được thể hiện chi tiết trong Mục 2.1.6 Chương 2 Báo cáo tổng hợp
I.7.9	+ Mục 2.2.2.2 về tăng trưởng GDP và thu nhập của người dân: Đề nghị bổ sung nội dung về thu nhập của người dân như nội dung tiêu đề do trong mục này mới chỉ đề cập đến tăng trưởng GDP lưu vực sông Cả.	Về ý kiến I.7.9: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.2 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
I.7.10	-Mục 4.1 về đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước cho công nghiệp: Báo cáo tổng hợp chỉ nêu số liệu về việc sử dụng nước của các khu, cụm công nghiệp và các dự án thủy điện. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung đánh giá về hiệu quả sử dụng nước sông Cả đối với lĩnh vực công nghiệp.	Về ý kiến I.7.10: cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước cho công nghiệp đã được tổng hợp theo các tài liệu, số liệu thu thập từ các tỉnh trên lưu vực (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh) và từ quy hoạch của các tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
	-Mục 4.2 về dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng nước:	
I.7.11	+ Các nội dung quy hoạch đến năm 2030 của các tỉnh trên lưu vực sông là tài liệu, căn cứ đầu vào quan trọng giúp dự báo nhu cầu sử dụng nước trên lưu vực sông. Tuy nhiên, nội dung quy hoạch các tỉnh trên lưu vực sông được nêu rất sơ lược, chưa có thống kê đối tượng sử dụng nước theo các quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Vì vậy, đề nghị bổ sung, có thống kê một cách khoa học đối tượng sử dụng nước theo các quy hoạch tỉnh làm căn cứ cho dự báo nhu cầu sử dụng nước trên lưu vực sông.	Về ý kiến I.7.10: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, đối tượng sử dụng nước trên lưu vực sông đã được căn cứ theo
I.7.12	+ Đề nghị bổ sung số liệu thuyết minh và đánh giá về tình hình hạ thấp mực nước ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng nước dọc sông Cả.	Về ý kiến I.7.9: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 10 Báo cáo tổng hợp.
I.7.13	+ Về kết quả tính toán nhu cầu nước cho các ngành tại: Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai lập quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cả, trong đó bao gồm việc tính toán nhu cầu nước đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Do đó, đề nghị Bộ	

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình lập quy hoạch để đảm bảo tính thống nhất về nhu cầu sử dụng nước.	
I.7.14	+ Mục 4.2.2 về nhu cầu khai thác, sử dụng nước: Đề nghị bổ sung căn cứ tính toán, dự báo nhu cầu sử dụng nước trong kỳ quy hoạch là Quy hoạch các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Về ý kiến I.7.14: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 4 Báo cáo tổng hợp.
I.7.15	-Bảng 84 Mục 4.5.3 về xác định chức năng nguồn nước: Đề nghị rà soát lại chức năng nguồn nước các hồ phù hợp với nội dung quy hoạch thủy điện, thủy lợi các quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt trên lưu vực sông Cả.	Về ý kiến I.7.15: cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc xác định chức năng nguồn nước trên lưu vực sông Cả đã được căn cứ theo đúng Điều 22 Luật Tài nguyên nước và đã được rà soát phù hợp với chức năng nguồn nước đã được phê duyệt trong quy hoạch các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh
I.7.16	-Mục 5.2.1 về Các trường hợp tính toán tỷ lệ phân bổ nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước: + Đề nghị bổ sung tính toán lượng nước thiếu tại mốc thời gian năm 2025 nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của các tỉnh cho công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của các tỉnh trên lưu vực. + Đề nghị bổ sung nhận định về mức độ thiếu nước và đề xuất hướng xử lý đối với các trường hợp, tần suất nước đến, mốc thời gian.	Về ý kiến I.7.15: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, căn cứ theo khoản 1 Điều 12 Luật Tài nguyên nước thì Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch tài nguyên nước và được lập cho thời kỳ 10 năm, tầm nhìn từ 20 năm đến 30 năm và được lập cho thời kỳ 10 năm, tầm nhìn từ 20 năm đến 30 năm, cho nên trong quy hoạch chỉ tính đến thời kỳ 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.
I.7.17	-Mục 5.3 về phân phối nguồn nước theo phương án chọn: đề nghị bổ sung phương án phân phối đến năm 2025; phân bổ trong trường hợp hạn hán, thiếu nước đến năm 2025.	Về ý kiến I.7.17: được giải trình tương tự như ý kiến I.7.16
I.7.18	-Mục 5.4 về xác định nhu cầu chuyển nước và công trình điều tiết, khai thác, phát triển tài nguyên nước trên lưu vực sông chỉ dựa vào kết quả cân bằng nước của các khu vực để xác định quy mô, nhiệm vụ công trình là chưa đầy đủ cơ sở. Để đảm bảo tính thống nhất, tránh chồng chéo và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực lập quy hoạch, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc đề xuất danh mục công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai được thực hiện tại các quy hoạch thủy lợi, quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng.	Về ý kiến I.7.18: cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc đề xuất các công trình điều tiết, khai thác, phát triển tài nguyên nước trên lưu vực sông được quy định quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Luật Tài nguyên nước năm 2023 quy định nội dung của Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh có danh mục các công trình điều tiết, khai thác, phát triển tài nguyên nước. Đồng thời, đây là một trong những nguyên tắc, căn cứ và điều kiện để cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Về thực tiễn, công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước không chỉ là các công trình thủy lợi, mà còn có các công trình thủy điện, hồ chứa, đập dâng đa mục tiêu phục vụ phát triển tài nguyên nước, công trình khai thác nước dưới đất, khai thác nước mặt phục vụ cấp nước đô thị, nông thôn. Về danh mục công trình điều tiết nêu trên, Ủy ban nhân dân các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đã có đề xuất bổ sung công trình (hiện có và dự kiến) vào Danh mục công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
		<p>triển tài nguyên nước.</p> <p>Do vậy, việc quy định danh mục các công trình điều tiết, khai thác, phát triển tài nguyên nước là bảo đảm quy định của pháp luật và là một trong những nội dung chính của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông.</p>
I.7.19	<p>-Mục 7.1 về xác định các khu vực bị sạt, lở và đề xuất các biện pháp giảm thiểu nguy cơ sạt, lở, đề nghị bổ sung thêm:</p> <p>+ Đánh giá tổng quát hiệu quả, tác động của công trình, biện pháp phi công trình hiện có để phòng, chống, khắc phục sạt lở bờ sông do nước gây ra để có căn cứ xác định công trình, biện pháp phi công trình để giảm thiểu sạt, lở bờ sông do nước gây ra trong thời kỳ quy hoạch theo quy định tại khoản 12 Điều 15 Thông tư số 04/2020/TT-BTNMT.</p> <p>+ Đánh giá nguyên nhân sạt lở, phân loại sạt lở để làm cơ sở đề xuất các giải pháp phòng, chống, khắc phục sạt lở bờ sông; bổ sung nội dung đánh giá xâm nhập mặn do các nguyên nhân khác ngoài lý do khai thác nước ngầm (như tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng...).</p>	<p>Về ý kiến I.7.14: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 7.1 Chương 7 Báo cáo tổng hợp.</p>
I.7.20	<p>-Mục 7.3 về xác định các khu vực bị xâm nhập mặn do khai thác nước dưới đất quá mức và đề xuất các biện pháp giảm thiểu nguy cơ xâm nhập mặn: Đề nghị bổ sung nội dung xác định công trình, biện pháp phi công trình để giảm thiểu xâm nhập mặn do thăm dò, khai thác nước dưới đất với nội dung “Đề xuất các biện pháp giảm thiểu nguy cơ xâm nhập mặn” theo quy định tại khoản 14 Điều 15 Thông tư số 04/2020/TT-BTNMT.</p>	<p>Về ý kiến I.7.14: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 7.3 Chương 7 Báo cáo tổng hợp.</p>
I.7.21	<p>-Mục 10.1.3 giải pháp về khoa học công nghệ: đề nghị nghiên cứu, sửa tiêu đề thành “Giải pháp về khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế” để phù hợp với nội dung của mục này.</p>	<p>Về ý kiến I.7.21: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 10.1 Chương 10 Báo cáo tổng hợp.</p>
I.7.22	<p>- Về danh mục các công trình điều tiết khai thác, sử dụng, phát triển nguồn nước (Phụ lục VIII): Đề nghị tách riêng các công trình đã hoàn thành, công trình đang xây dựng và các công trình quy hoạch xây dựng trong giai đoạn tiếp theo.</p>	<p>Về ý kiến I.7.22: cơ quan lập quy hoạch cho rằng, danh mục công trình điều tiết khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước đã được phân loại thành công trình hiện có và công trình quy hoạch đến năm 2030.</p>
I.7.23	<p>- Đề nghị có luận giải cụ thể đối với “Phụ lục IX. Danh mục các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước” đảm bảo phù hợp các Quy hoạch ngành quốc gia có liên quan, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện sau khi quy hoạch được phê duyệt.</p>	<p>Về ý kiến I.7.23: được giải trình tương tự như ý kiến I.7.18</p>
I.7.24	<p>- Đề nghị đơn vị lập quy hoạch rà soát, chỉnh sửa một số lỗi còn tồn tại trong Báo cáo tổng hợp quy hoạch.</p>	<p>Về ý kiến I.7.24: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch</p>
I.8	Bộ Tài chính (Công văn số 10578/BTC-HCSN ngày 03 tháng 10 năm 2024)	

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
I.8.1	<p>Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Luật Tài nguyên nước, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh là một trong các quy hoạch về tài nguyên nước và là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch tài nguyên nước và được lập cho thời kỳ 10 năm, tầm nhìn từ 20 năm đến 30 năm. Đề nghị Bộ TN&MT rà soát đảm bảo nội dung Quy hoạch phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ duyệt tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 và gắn với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành có liên quan.</p> <p>Đồng thời, đề nghị Bộ TN&MT phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố liên quan đảm bảo nội dung các Quy hoạch là thống nhất, không chồng chéo, mâu thuẫn với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và định hướng quy hoạch (như: quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, quy hoạch tỉnh,...).</p>	<p>Về ý kiến I.8.1: cơ quan lập quy hoạch cho rằng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, theo quy định phải được cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Do vậy, quá trình lập quy hoạch đã tiến hành tổng hợp, rà soát, nghiên cứu nội dung các Nghị quyết của Trung ương, các quy hoạch tỉnh, quy hoạch tài nguyên nước quốc gia (Quyết định số 1622/QĐ-TTg), kết hợp với đánh giá về đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng quy hoạch để cụ thể hóa, xây dựng các nội dung của quy hoạch. Qua đó, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đã phân chia vùng quy hoạch thành các tiểu vùng và các phân khu tính toán (gồm 08 tiểu vùng quy hoạch, 03 vùng phụ cận và thành 78 phân khu tính toán) xuyên suốt quá trình đánh giá, dự báo, xây dựng các nội dung phân bổ, bảo vệ và phòng, chống tác hại do nước gây ra trên phạm vi lưu vực sông Cả; quy định cụ thể chức năng nguồn nước và dòng chảy tối thiểu đối với các sông chính, quan trọng trong phạm vi vùng quy hoạch; xây dựng các giải pháp thực hiện quy hoạch và quy định trách nhiệm cụ thể đối với từng bộ, địa phương có liên quan nhằm tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch bảo đảm hiệu quả</p>
I.8.2	<p>Về hồ sơ Quy hoạch: đề nghị Bộ TN&MT rà soát hồ sơ quy hoạch và chịu trách nhiệm toàn diện đối với tính hợp lệ, hợp pháp, đảm bảo đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật có liên quan.</p>	<p>Về ý kiến I.8.1: cơ quan lập quy hoạch cho rằng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đã được thực hiện theo đúng Quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, bảo đảm đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật có liên quan.</p>
	<p>II. Về nội dung các Quy hoạch</p>	
I.8.4	<p>1. Các nội dung tại quy hoạch lưu vực sông Cả thuộc phạm vi chuyên môn kỹ thuật, chuyên ngành của Bộ TN&MT. Theo đó, đối với các nội dung chuyên môn, đề nghị Bộ TN&MT căn cứ Luật Tài nguyên nước, các văn bản hướng dẫn và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan trong đó bao gồm quy định của pháp luật về quy hoạch để xây dựng các Quy hoạch đảm bảo đúng quy định.</p>	<p>Về ý kiến I.8.4: cơ quan lập quy hoạch cho rằng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 16 Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 53/2024/NĐ-CP và Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT cũng như các văn bản có liên quan khác bảo đảm đúng quy định</p>
	<p>2. Về danh mục các nhiệm vụ, dự án, đề án ưu tiên:</p>	
I.8.5	<p>a. Bộ TN&MT xây dựng danh mục các nhiệm vụ, dự án, đề án ưu tiên thực hiện các Quy hoạch và xác định tiêu chí, cơ sở để xây dựng các danh mục dự án, đề án ưu tiên. Tuy nhiên, các tiêu chí nêu trên vẫn còn chung chung, không có các tiêu chí cụ thể về tính khả thi, kỹ</p>	<p>Về ý kiến I.8.5: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 10 Báo cáo tổng hợp.</p>

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	<p>thuật, tài chính/kinh tế, tác động/ hiệu quả, mối liên kết với ngành khác... và chưa có nội dung về cơ sở để xây dựng các tiêu chí này, cơ sở xác định việc đề xuất thứ tự ưu tiên đầu tư các nhiệm vụ, dự án, đề án,... Đề nghị bổ sung nội dung này xem xét tính chính xác, khả thi và khoa học của việc lựa chọn các nhiệm vụ, dự án, đề án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2030.</p>	
I.8.6	<p>b. Danh mục các nhiệm vụ, dự án, đề án ưu tiên đầu tư: Bộ TN&MT xây dựng danh mục các nhiệm vụ, dự án, đề án ưu tiên thực hiện Quy hoạch lưu vực sông Cả gồm 16 nhiệm vụ cùng các thông tin đối với từng nhiệm vụ/dự án/đề án gồm: tên, thời gian thực hiện, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, kinh phí thực hiện (quy hoạch lưu vực sông Cả không có thông tin kinh phí thực hiện của từng dự án). Tuy nhiên, danh mục nhiệm vụ, dự án chưa phân định rõ cơ cấu từng nguồn vốn thực hiện (vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn xã hội hóa,...), mục tiêu đầu tư từng dự án ưu tiên đầu tư, thứ tự ưu tiên,... Đề nghị Bộ TN&MT phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có liên quan rà soát, thuyết minh, bổ sung các nội dung nêu trên làm cơ sở xét tính khả thi trong triển khai thực hiện</p>	<p>Về ý kiến I.8.6: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 10 Báo cáo tổng hợp.</p>
I.8.7	<p>3. Về tổng mức đầu tư và phương án huy động nguồn vốn thực hiện Quy hoạch: 3.1. Theo Báo cáo tổng hợp Quy hoạch, kinh phí để triển khai Quy hoạch lưu vực sông Cả đến là 280 tỷ đồng cho 02 giai đoạn: 50 tỷ đồng giai đoạn 2024 - 2025 và 230 tỷ đồng cho giai đoạn 2026 - 2030; Vốn đầu tư thực hiện quy hoạch được huy động từ nhiều nguồn (gồm: vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương, vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp, vốn xã hội hóa và phối hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình khác có liên quan; huy động vốn đầu tư, tài trợ từ nước ngoài để thực hiện bảo vệ nguồn sinh thủy, bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh cũng như các nguồn nước có giá trị về văn hóa, cảnh quan, du lịch). Tuy nhiên, báo cáo tổng hợp Quy hoạch sông chưa có các nội dung về: (i) xây dựng, thuyết minh cơ sở việc xác định tổng mức đầu tư thực hiện Quy hoạch, (ii) căn cứ xác định kinh phí thực hiện quy hoạch và (iii) giải pháp huy động các nguồn vốn thực hiện Quy hoạch. Đồng thời, báo cáo tổng hợp Quy hoạch sông Cả chưa phân định theo tính chất nguồn vốn (chi đầu tư, chi thường xuyên), theo phân cấp (ngân sách trung ương/ngân sách địa phương) và chưa phân kỳ theo từng giai đoạn 2021-2025, 2026 -2030 đối với từng nguồn vốn dự kiến huy động. 3.2. Đối với việc dự kiến nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Quy hoạch: Đề nghị thực hiện đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, các dự án sử dụng vốn đầu tư công phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn từng giai đoạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p>Về ý kiến I.8.7: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 10 Báo cáo tổng hợp.</p>

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	<p>3.3. Các quy hoạch thực hiện thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2030, như vậy thuộc 02 kỳ đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030. Do đó, đề nghị Bộ TN&MT và Ủy ban nhân dân các địa phương căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Chính phủ, trình Quốc hội bổ sung dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030, trong đó lưu ý thực hiện theo quy định tại Điều 89 Luật Đầu tư công: “<i>Cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đứng đầu tổ chức quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp phải bảo đảm tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các chương trình, dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đó</i>”.</p> <p>Đề nghị Bộ TN&MT đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án sử dụng vốn đầu tư công trong giai đoạn 2021 – 2025 để bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 được cấp có thẩm quyền quyết định, đảm bảo theo đúng quy định.</p> <p>3.4. Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030: đề nghị Bộ TN&MT đưa ra những căn cứ và đánh giá cụ thể về khả năng huy động vốn để đầu tư dự án (bao gồm cả vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác) trong giai đoạn này nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư và khả năng hỗ trợ vốn của ngân sách nhà nước.</p> <p>Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang dự thảo trình cấp có thẩm quyền ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030. Đề nghị Bộ TN&MT phối hợp với các địa phương rà soát, đánh giá sự cần thiết ưu tiên đầu tư của các dự án, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ vốn theo đúng quy định.</p> <p>3.5. Đồng thời, đề nghị Bộ TN&MT bổ sung các nội dung nêu trên làm cơ sở xem xét tính khả thi trong việc huy động nguồn vốn thực hiện Quy hoạch.</p>	
I.8.8	<p>4. Về trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện Quy hoạch tại Điều 2 các dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Bộ TN&MT: đề nghị bổ sung nhiệm vụ đánh giá, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện quy hoạch theo từng giai đoạn (cả 03 Quyết định của 03 lưu vực sông). - Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đề nghị sửa đổi nhiệm vụ tại điểm h “<i>Phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích xây dựng các loại hình trữ nước tại chỗ, cấp nước nhỏ lẻ phục vụ sinh hoạt trên cơ sở khả năng nguồn nước và lượng nước được phân phối ở quy mô thôn, ấp, xã...</i>” (Dự thảo Quyết định 	Về ý kiến I.8.8: cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Chương 10 Báo cáo tổng hợp.

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	<p>Quy hoạch lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn), lý do: việc rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích xây dựng các loại hình trữ nước đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các bộ ngành có liên quan (Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ TN&MT,...) để phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao và các địa phương để đảm bảo chính sách ban hành phù hợp thực tiễn, khả thi.</p> <p>- Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đề nghị bổ sung sửa đổi như sau: "<i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Quy hoạch</i>".</p>	
II	Các địa phương	
1	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh (Công văn số 3513/STNMT-TNN&BD ngày 09/8/2024)	
	Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch	
1.1	Chương 1. Thông tin chung	
II.1.1	<p>Mục 1.1. Căn cứ lập Quy hoạch. Trang 1-3</p> <p>Đề nghị rà soát, cập nhật: Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14; Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 13/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Cả.</p>	Về ý kiến II.1.1. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 1.1 Chương 1 Báo cáo tổng hợp.
II.1.2	<p>Mục 1.4. Mục tiêu. Trang 7</p> <p>Nội dung dự thảo: "Trên lưu vực sông Cả đã có 1/3 tỉnh lập và Ban hành danh mục hồ, ao không được san lấp là Thanh Hóa (Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 04/11/2022)"</p> <p>Đề nghị rà soát, cập nhật Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>(Sở Tài nguyên và Môi trường đã cung cấp thông tin tại Văn bản số 1807/STNMT-TNN&BD ngày 25/4/2024.)</p>	Về ý kiến II.1.2. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 1.4 Chương 1 Báo cáo tổng hợp.
II.1.3	<p>Mục 1.5. Phạm vi lập quy hoạch. Trang 11</p> <p>Nội dung dự thảo: a) Lưu vực sông Cả: ... Hà Tĩnh (06/13 huyện chiếm 17,5%),...</p> <p>Đề nghị nêu rõ tên các huyện, thị thuộc lưu vực sông Cả trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh</p>	Về ý kiến II.1.3. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 1.5 Chương 1 Báo cáo tổng hợp.
	Chương 2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống tác hại do nước gây ra	
II.1.4	<p>Mục 2.1.4. Đặc điểm tài nguyên rừng. Trang 22</p> <p>Bảng 2. Diện tích rừng các tỉnh trên lưu vực sông Cả.</p>	Về ý kiến II.1.4. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.1

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	Đề nghị xem xét xác định đúng diện tích rừng của tỉnh Hà Tĩnh, thuộc lưu vực sông Cả; đồng thời tính toán độ che phủ rừng (trong biểu độ che phủ rừng 52,58% là độ che phủ rừng của cả tỉnh Hà Tĩnh).	Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.1.5	Mục 2.1.6. Đặc điểm các khu du lịch, khu bảo tồn, di sản thiên nhiên. Trang 24 "Khu bảo tồn cấp quốc gia: Vườn quốc gia Vũ Quang" Đề nghị xem xét lại cụm từ “Khu bảo tồn cấp quốc gia” vì Vườn quốc gia Vũ Quang (Hà Tĩnh) không thuộc Khu bảo tồn cấp quốc gia; Diện tích quản lý của Vườn Quốc gia Vũ Quang là 57.030ha, diện tích quy hoạch rừng đặc dụng là 52.733 ha để phù hợp với kết quả công bố hiện trạng rừng năm 2023 theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 21/2/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.	Về ý kiến II.1.5. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.1 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
	Mục 2.1.7 Đặc điểm khí tượng, khí hậu. Trang 24-28:	
II.1.6	Nội dung dự thảo: “Nhiệt độ trên lưu vực sông Cả chia làm hai thời kỳ rõ rệt. Nhiệt độ mùa Đông và nhiệt độ mùa lũ” Đề nghị chỉnh sửa thành “...Nhiệt độ mùa Đông và nhiệt độ mùa Hè”	Về ý kiến II.1.6. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.1 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.1.7	Các Bảng 3, 5, 6, 7 Đề nghị lược bỏ trạm Hà Tĩnh do không nằm trong phạm vi lập quy hoạch được nêu trong mục 1.5 - Chương 1.	Về ý kiến II.1.7. cơ quan lập quy hoạch cho rằng hiện nay việc lập quy hoạch trên lưu vực sông Cả bao gồm lưu vực sông Cả và vùng phụ cận theo Quy định tại Điều 20 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, do đó trạm khí tượng Hà Tĩnh được đưa vào để phục vụ đánh giá về các yếu tố khí tượng, khí hậu là phù hợp.
II.1.8	2.1.8 Đặc điểm mạng lưới sông, suối. Trang 28-30 Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung thuyết minh về mạng lưới sông, suối của các vùng phụ cận lưu vực sông Cả thuộc phạm vi lập quy hoạch được nêu trong mục 1.5 - Chương 1.	Về ý kiến II.1.8. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.1 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
	Mục 2.2. Tình hình phát triển kinh tế xã hội. Trang 30-45:	
II.1.9	-Đề nghị rà soát, bổ sung làm rõ nội dung thuyết minh về tình hình phát triển kinh tế xã hội của vùng phụ cận thuộc phạm vi lập quy hoạch được nêu trong mục 1.5 - Chương 1.	Về ý kiến II.1.9. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.2 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.1.10	- Tại mục c (đánh giá chăn nuôi, trang 33): “Trang trại chăn nuôi tích cực ứng dụng công nghệ, công nghệ cao, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn GAHP (VietGahp, GlobalGap), hữu cơ”: Đề nghị đánh giá thêm việc tái sử dụng nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng theo quy định pháp luật; việc áp dụng đệm lót hạn chế sử dụng nước...	Về ý kiến II.1.10. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.2 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.1.11	- Về hiện trạng phát triển các ngành (trang 38): Đối với thông tin hiện trạng năng lượng các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa chưa thống nhất, đồng bộ; đề nghị xem xét bổ sung, hiệu chỉnh để phù hợp, thống nhất giữa các tỉnh (cung cấp thông tin về nguồn điện, mạng lưới điện đến cấp 500kV, 220kV, 110kV hay chi tiết đến hệ thống lưới điện trung, hạ áp...).	Về ý kiến II.1.11. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.2 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
II.1.12	- Định hướng phát triển Vùng hạ lưu sông Ngàn Sâu (trang 45): Đề nghị sửa đổi như sau "Giai đoạn 2021-2030, trên phạm vi vùng đang phát triển dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 (công suất 6,4MW, sắp hoàn thành đưa vào vận hành, khai thác). Thu hút đầu tư ...".	Về ý kiến II.1.12. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.2 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.1.13	Mục 2.3.Phân vùng quy hoạch. Bảng 12. Trang 46. Đề nghị lược bỏ Quy hoạch tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, tầm nhìn 2035. (Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 bãi bỏ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua điều chỉnh Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2025.)	Về ý kiến II.1.13. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.2 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.1.14	Mục 2.4. Hiện trạng quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống tác hại do nước gây ra. "3. Những vấn đề tồn tại trong quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả do nước gây ra trên lưu vực sông" Trang 55. Đề nghị bổ sung vấn đề thiếu nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất đang diễn ra thường xuyên trên địa bàn thị xã Hồng Lĩnh (thuộc vùng phụ cận theo phân vùng quy hoạch) trong toàn bộ hồ sơ, báo cáo.	Về ý kiến II.1.14. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.4 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
	Chương 3. Đánh giá hiện trạng và dự báo xu thế biến động tài nguyên nước	
II.1.15	Mục 3.1.2.2 Thủy triều và xâm nhập mặn. Trang 61. "Mục 4. Xâm nhập mặn". Đề nghị bổ sung độ mặn tại cống Trung Lương, cống Đức Xá trên sông La.	Về ý kiến II.1.15. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 3.1 Chương 3 Báo cáo tổng hợp.
II.1.16	Mục 3.1.3 Đánh giá tổng lượng tài nguyên nước mặt. Trang 61-70. Đề nghị xem xét, bổ sung các phương pháp tính toán khác để kiểm chứng kết quả tính toán bằng mô hình toán. (Do điều kiện số liệu đo đạc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh còn hạn chế, các khu vực thuộc vùng phụ cận đều không có số liệu quan trắc khí tượng, thủy văn. Đồng thời, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng tại vùng phụ cận cũng có sự khác biệt lớn so với lưu vực được lựa chọn để kiểm định, hiệu chỉnh mô hình. Do đó, để kết quả tính toán mang tính khách quan, đề nghị bổ sung phương pháp tính toán khác để kiểm chứng, cập nhật, điều chỉnh kết quả tính toán khả năng nguồn nước theo phương pháp mô hình toán thủy văn)	Về ý kiến II.1.16. cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc tính toán, đánh giá tổng lượng tài nguyên nước mặt trên lưu vực sông Cả đã được sử dụng phương pháp thủy văn, thủy lực với chuỗi số liệu từ năm 1980-2023 của 11 trạm khí tượng, 16 trạm thủy văn, với hệ thống công cụ mô hình số như: Mike Nam, Mike Hydroriver. Kết quả tính toán đã được so sánh, đánh giá với kết quả thực đo tại các trạm thủy văn trên lưu vực sông Cả, kết quả công bố trong Quy hoạch tài nguyên nước, Báo cáo tài nguyên nước quốc gia. Do đó, kết quả tính toán, đánh giá tổng lượng tài nguyên nước đã bảo đảm đúng quy định, đủ độ tin cậy.
II.1.17	Mục 3.1.4. Đánh giá chất lượng nước mặt. Trang 70 Đề nghị bổ sung đánh giá chất lượng nước mặt sông Ngàn Phố, sông La.	Về ý kiến II.1.17. cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc đánh giá chất lượng nước mặt trên các sông đã được cập nhật theo số liệu quan trắc chất lượng nước tại các trạm quan trắc địa phương trên các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và của các trạm quan trắc quốc gia với chuỗi số liệu từ năm 2018-2023.

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
II.1.18	<p>Mục 3.3.2. Đánh giá khả năng nguồn nước. Trang 114</p> <p>Đề nghị rà soát lại tiêu chí đánh giá và kết quả đánh giá tại Vùng phụ cận 3 trong toàn bộ hồ sơ, báo cáo. Thực tế nguồn nước tại thị xã Hồng Lĩnh thuộc khu vực này đang thiếu tương đối nghiêm trọng (bao gồm cả nước mặt, nước dưới đất) do điều kiện địa lý tự nhiên, trong đó: hồ Thiên Tượng (là nguồn cấp nước sinh hoạt lớn nhất của thị xã Hồng Lĩnh) có những năm bị cạn trơ đáy; hồ Đá Bạc và một số công trình trữ nước khác do không đảm bảo an toàn đập nên không được phép tích nước theo thiết kế.</p>	<p>Về ý kiến II.1.18. cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc đánh giá khả năng nguồn nước đang được dựa trên các chỉ số cơ bản về tổng lượng nước và dân số theo các tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>Đối với việc thiếu nước tại thị xã Hồng Lĩnh, đã được xem xét, bổ sung vào việc đánh giá các vấn đề trọng tâm cần giải quyết của quy hoạch, cụ thể tại mục 4.4 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.</p>
1.4	<p>Chương 4. Đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng, dự báo nhu cầu nước và phân vùng chức năng nguồn nước</p>	
II.1.19	<p>Mục 4.2.1.2 Tiêu chuẩn cấp nước cho nông nghiệp, thủy sản. Trang 137</p> <p>Bảng 59 (Chỉ tiêu cấp nước đối với hươu là 60 lít/con/ngày).</p> <p>Qua thực tế theo dõi tại một số địa phương của huyện Hương Sơn (Hà Tĩnh), hươu sao trưởng thành sử dụng nước uống khá ít khoảng 6-8 lít/ngày/con, quá trình nuôi hươu sao ít khi tắm, rửa chuồng. Do vậy, đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu cấp nước hươu sao hợp lý.</p>	<p>Về ý kiến II.1.19. cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc đề xuất tiêu chuẩn cấp nước đối với hươu đang được dựa trên tiêu chuẩn cấp nước của TCVN 4454: 2012 về Quy hoạch xây dựng nông thôn – Tiêu chuẩn thiết kế, trong đó đã bao gồm lượng nước uống, tắm, rửa chuồng trại trong chăn nuôi tập trung.</p>
	<p>Mục 4.4.2 Xác định các vấn đề về tài nguyên nước trên từng vùng quy hoạch. Trang 166</p>	
II.1.20	<p>Nội dung dự thảo: "CT cấp nước Gia Phố (xã Gia Phố)... thiết kế: 1.500, thực tế: 300 m³/ngđ".</p> <p>Đề nghị điều chỉnh thành "CT cấp nước Gia Phố (xã Gia Phố)... thiết kế: 1.500, thực tế: 450 m³/ngđ" để phù hợp với hiện trạng.</p>	<p>Về ý kiến II.1.20. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 4.4 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.</p>
II.1.21	<p>Mục 4.5.2 Phân đoạn sông, suối. Bảng 82</p> <p>Tại mục XIX sông Đò Diệm (sông Nghèn) (trang 171, trang 179 và trang 281), nội dung thông tin sông Nghèn có điểm đầu là "Xuân Lam, Nghi Xuân" là chưa phù hợp, đề nghị sửa thành "cổng Trung Lương và cổng Đức Xá".</p>	<p>Về ý kiến II.1.21. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 4.5 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.</p>
II.1.22	<p>Mục 4.5.3 Xác định chức năng nguồn nước. Trang 173-179</p> <p>Đề nghị rà soát, cập nhật chức năng "cấp nước sinh hoạt" đối với một số đoạn sông, suối thuộc địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>(Tại mục VII sông Ngàn Sâu: Đoạn 3 (từ sau khi Khe Ba Giang nhập vào đến trạm TV Chu Lễ): Hiện trạng đang cấp nước cho các nhà máy nước Hương Khê, Gia Phố; Đoạn 6 (từ sau khi sông Ngàn Phố nhập vào đến trước khi nhập vào sông Cả): Hiện trạng đang cấp nước cho các nhà máy nước Đức Thọ, La Giang)</p>	<p>Về ý kiến II.1.22. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 4.5 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.</p>
II.1.23	<p>Đề nghị lược bỏ quy hoạch chức năng cấp nước sinh hoạt đối với dòng chính sông Đò Diệm (Sông Nghèn) thuộc vùng phụ cận.</p> <p>(Theo kết quả quan trắc mạng lưới tỉnh Hà Tĩnh, chất lượng nước dòng chính sông Nghèn thường không đạt mức A QCVN 08:2023/BTNMT. Dòng chính sông Nghèn cũng là nơi tiếp nhận trực tiếp nhiều nguồn thải. Hiện trạng chỉ có 1 nhà máy nước lấy nguồn nước thô</p>	<p>Về ý kiến II.1.23. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 4.5 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.</p>

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	trên dòng chính sông Nghèn là nhà máy nước Thạch Sơn (huyện Lộc Hà), tuy nhiên địa phương đã có quyết định phê duyệt dự án thay thế nguồn nước thô của nhà máy trên, thực hiện giai đoạn 2022 - 2025. Do đó, đề xuất lược bỏ chức năng cấp nước sinh hoạt của sông Đò Điem.)	
II.1.24	Ngoài ra, hiện nay xu hướng phát triển du lịch sinh thái xanh bền vững là xu hướng chủ đạo do vậy trong quy hoạch nội dung về phân vùng chức năng nguồn nước những đoạn sông qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đề nghị bổ sung thêm nội dung về phát triển du lịch	Về ý kiến II.1.24. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 4.5 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.
II.1.25	Trang 181-186. Bảng 84 Đề nghị rà soát, cập nhật chức năng nguồn nước và một số thông tin chưa chính xác. (- Tại hàng thứ tự 38, 39, 40 trang 184; hàng thứ tự 15 trang 185; hàng thứ tự 16, 17, 18, 21 trang 186, chức năng nguồn nước của các hồ chứa Đá Hàn, Khe Con, Con Trường, Cửa Thờ - Trại Tiểu, Cu Lây - Trường Lão, Khe Hao trên, Xuân Hoa chi cấp nước cho sản xuất nông nghiệp là chưa đầy đủ. - Tại hàng thứ tự 38 trang 184, đơn vị quản lý vận hành hồ Đá Hàn (huyện Hương Khê) là “UBND xã Nam Thanh” là chưa chính xác, đề nghị sửa thành “Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh”.)	Về ý kiến II.1.25. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 4.5 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.
1.5	Chương 5. Điều hòa, phân phối nguồn nước	
II.1.26	Mục 5.1.1.1 Lượng nước mặt có thể khai thác, sử dụng. Trang 190-195 Đề nghị rà soát, cập nhật kết quả tính toán trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý tại mục 3.1.3	Về ý kiến II.1.26. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát các kết quả tính toán bảo đảm cho việc tính toán cân bằng nước và phân bổ nguồn nước.
II.1.27	Mục 5.1.2.2 Xác định giá trị dòng chảy tối thiểu. Trang 203-207. Đề nghị rà soát, xác định giá trị dòng chảy tối thiểu trên cơ sở cập nhật lại nhu cầu khai thác, sử dụng nước; chức năng nguồn nước như theo góp ý ở các mục nêu trên.	Về ý kiến II.1.27. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát các kết quả tính toán bảo đảm cho việc tính toán cân bằng nước và phân bổ nguồn nước.
II.1.28	Mục 5.1.3 Nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt. Trang 208-209. Đề nghị bổ sung nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt khi xảy ra các tình huống hạn hán, thiếu nước trên lưu vực sông Cả và vùng phụ cận. (Hiện nay, một số địa bàn trên địa bàn tỉnh đã xảy ra tình trạng thiếu nước sinh hoạt trong mùa khô, hạn; gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống sinh hoạt, sản xuất của nhân dân. Do đó, việc xem xét bổ sung các nguồn nước dự phòng trong tình huống này là hết sức cần thiết và cấp bách.)	Về ý kiến II.1.28. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát các kết quả tính toán bảo đảm cho việc tính toán cân bằng nước và phân bổ nguồn nước
II.1.29	Mục 5.4.3 Đề xuất xây dựng, bổ sung công trình. Trang 251. Bảng 122. Đề nghị bổ sung hồ chứa nước Trại Dơi để phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022) và Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023).	Về ý kiến II.1.29 cơ quan lập quy hoạch sau khi rà soát, cập nhật chức năng nguồn nước, đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 5.4 Chương 5 Báo cáo tổng hợp.

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
1.6	Chương 6. Bảo vệ tài nguyên nước	
II.1.30	<p>Mục 6.1.5. Xác định các cửa xả nước thải chính, điểm nhập lưu có tiếp nhận nước thải. Trang 263-264.</p> <p>Rà soát cập nhật, bổ sung thêm thông tin cơ sở xả thải trực tiếp vào nguồn nước trên LVS Cà.</p> <p>(Hiện báo cáo mới chỉ nêu 5 cơ sở xả thải trực tiếp vào LVS là quá ít. Cần bổ sung nguồn thải từ sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trên cơ sở số liệu điều tra, khảo sát thực tế dọc các sông, suối thuộc phạm vi quy hoạch.)</p>	<p>Về ý kiến II.1.30. cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước trên lưu vực sông Cà đã được kế thừa các kết quả điều tra, khảo sát của Dự án “Đánh giá sức chịu tải và khả năng tiếp nhận nước thải trên các lưu vực sông Bắc Trung Bộ” trong đó có lưu vực sông Cà. Kết quả cho thấy trên lưu vực sông Cà có nhiều nguồn xả nước thải như: sinh hoạt, công nghiệp,.... nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên các nguồn thải được thống kê trong Quy hoạch là các nguồn xả nước thải tập trung và xả trực tiếp vào nguồn nước các sông thuộc hệ thống sông Cà (các sông là đối tượng lập quy hoạch).</p>
II.1.31	<p>Mục 6.3.1.2. Xác định yêu cầu chất lượng nước theo mục đích khai thác, sử dụng. Trang 273-281. Bảng 130</p> <p>Đề nghị cập nhật lại thông tin về yêu cầu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08:2023/BTNMT phù hợp với chức năng nguồn nước đã được rà soát, cập nhật theo nội dung góp ý tại các bảng 82-84.</p>	<p>Về ý kiến II.1.31. cơ quan lập quy hoạch sau khi rà soát, cập nhật chức năng nguồn nước, đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 6.3 Chương 6 Báo cáo tổng hợp.</p>
II.1.32	<p>Mục 6.5. Xác định khu vực, nguồn nước ưu tiên lập kế hoạch chi tiết bảo vệ tài nguyên nước. Trang 295</p> <p>Căn cứ trên điều kiện thực tế tại địa phương, đề nghị bổ sung việc lập kế hoạch chi tiết bảo vệ tài nguyên nước đối với Vùng phụ cận 3 (bao gồm thị xã Hồng Lĩnh).</p>	<p>Về ý kiến II.1.25. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 6.5 Chương 6 Báo cáo tổng hợp.</p>
II.1.33	<p>Chương 7. Phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra. Trang 297-317.</p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về tác hại do lũ lụt, hạn hán, thiếu nước và các biện pháp khắc phục, giảm thiểu</p> <p>(Nội dung báo cáo mới chỉ đề cập đến việc sạt lở lòng, bờ, bãi sông và xâm nhập mặn các tầng chứa nước. Tuy nhiên, theo thực tế, thiệt hại do lũ lụt, hạn hán, thiếu nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong những năm qua là vô cùng lớn. Do đó, đề nghị đơn vị thực hiện quy hoạch cập nhật, bổ sung nội dung đánh giá về tác hại do lũ lụt, hạn hán, thiếu nước và đưa ra các giải pháp khắc phục, giảm thiểu đề địa phương có căn cứ, cơ sở triển khai thực hiện.)</p>	<p>Về ý kiến II.1.33. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 7.1 Chương 7 Báo cáo tổng hợp.</p>
1.8	Chương 10. Giải pháp, kinh phí, kế hoạch và tiến độ thực hiện quy hoạch	
II.1.34	<p>Mục 10.4.3.2 Luận chứng danh mục dự án quan trọng, đề xuất thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án. Trang 356. Bảng 155.</p> <p>Đề nghị xem xét lại cơ sở, căn cứ đề xuất các nhiệm vụ tại số thứ tự 15, 16 Bảng 155.</p> <p>(Qua rà soát, hiện chưa có quy định nào về trách nhiệm của địa phương phải lập kế hoạch chi tiết bảo vệ tài nguyên nước và kế hoạch chi tiết phòng, chống tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông liên tỉnh.)</p>	<p>Về ý kiến II.1.34. cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc xác định khu vực, nguồn nước cần ưu tiên lập kế hoạch chi tiết về một hoặc một số nội dung sau: điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra được quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 16 Luật Tài nguyên nước năm 2023. Do đó, trong quá</p>

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
		trình thực hiện quy hoạch, các nội dung liên quan đến bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra sẽ do địa phương phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện.
1.9	Phụ lục IX	
II.1.35	Đề nghị rà soát, cập nhật chức năng nguồn nước của các hồ chứa theo các nội dung góp ý nêu trên và bổ sung công trình thủy điện Đá Hàn (công suất 1,4MW, đi vào hoạt động từ tháng 7/2023, hình thức thủy lợi kết hợp thủy điện tại hồ thủy lợi Đá Hàn thuộc sông Ngàn Sâu).	Về ý kiến II.1.35. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại phụ lục IX Báo cáo tổng hợp.
	Đối với dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch, Báo cáo tóm tắt, các Phụ lục, bản đồ kèm theo:	
II.1.15	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa theo các nội dung góp ý nêu trên đảm bảo thống nhất, phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định pháp luật hiện hành.	Về ý kiến II.2.1. cơ quan lập quy hoạch đã rà soát, chỉnh sửa nội dung quyết định phù hợp với các nội của Quy hoạch.
2	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An (Công văn số 5556/STNMT-NBD&BDKH ngày 09/8/2024)	
	Đối với Báo cáo tổng hợp	
	- Trang 3, Mục 1.1. Căn cứ lập Quy hoạch	
II.2.1	+ Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023. Tuy nhiên tại Mục 1.1 (Căn cứ lập quy hoạch) Chương I (Thông tin chung) dự thảo đang nêu căn cứ Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 14/8/2021 là chưa phù hợp. Ngoài ra, theo quy hoạch tỉnh Nghệ An được duyệt, trên toàn bộ lưu vực sông Cả đã quy hoạch các công trình khai thác nước phục vụ cho hoạt động cấp nước sinh hoạt. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì rà soát, cập nhật vào dự thảo đảm bảo tính đồng nhất và theo đúng quy hoạch được duyệt	Về ý kiến II.2.1. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 1.1 Chương 1 Báo cáo tổng hợp.
II.2.2	+ Sửa số và ngày của Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: sửa Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 14/8/2021 thành Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023	Về ý kiến II.2.2. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 1.1 Chương 1 Báo cáo tổng hợp.
	- Trang 4, Mục 1.2. Sự cần thiết	
II.2.3	+ "... lượng nước bình quân đầu người mùa cạn khoảng 1.600 m ³ /người", dẫn đến thiếu nước cục bộ trên một số vùng trong mùa cạn...", đề nghị đơn vị tư vấn làm rõ cơ sở khoa học của nhận định này.	Về ý kiến II.2.3. cơ quan lập quy hoạch cho rằng theo các nghiên cứu của Ngân hàng Châu Á (ADB) và một số nghiên cứu có liên quan đến tài nguyên nước của Việt Nam, thì nếu mức sử dụng nước < 1.700m ³ /người/năm là mức độ bất thường về nguồn nước, xảy ra thiếu nước, theo kết quả đánh giá tại một số vùng quy hoạch trên lưu vực sông Cả vào mùa khô thì đang có tình trạng lượng nước bình quân đầu người <1.600 m ³ /người, cho

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
		nên có thể xảy ra tình trạng thiếu nước cục bộ.
II.2.4	+ Đề nghị bổ sung thêm một số thách thức: i) Tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến lưu vực sông Cả; ii) Về lũ, có những biến động lớn, diễn biến mực nước trên sông ngày càng có những tỏ hợp bất lợi cho công tác phòng chống lũ; iii) Phần lớn công trình thủy lợi được xây dựng từ 20 ÷ 30 năm trước hoặc lâu hơn, việc sửa chữa chưa thường xuyên nên đã xuống cấp, một số công trình được sửa chữa, nâng cấp nhưng chưa đồng bộ làm giảm năng lực phục vụ của công trình. công trình thủy lợi trước đây được thiết kế cấp nước, tiêu nước và phòng chống lũ theo tiêu chuẩn cũ, không đáp ứng được yêu cầu hiện nay.	Về ý kiến II.2.4. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 1.2 Chương 1 Báo cáo tổng hợp.
II.2.5	Trang 11, Mục 1.6. Đối tượng lập quy hoạch Nước mặt: đề nghị bổ sung sông Giăng (đây là chi lưu lớn phía hữu sông Cả, trên sông có quy hoạch công trình thủy lợi, thủy điện lớn là Thác Muối), sửa “sông Hàu” thành “sông Mơ”, “sông Cửa Lò” thành “sông Cẩm”	Về ý kiến II.2.5. cơ quan lập quy hoạch cho rằng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả theo Quy định tại Điều 16 Luật Tài nguyên nước năm 2023 chỉ xem xét trên các lưu vực sông liên tỉnh, đối với các sông nội tỉnh như sông Giăng, các nội dung về phân bổ nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra sẽ được xác định trong Quy hoạch tỉnh Nghệ An.
	Trang 18:	
II.2.6	+ Đồng bằng thuộc các huyện Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu (Diễn - Yên - Quỳnh)... sửa thành Đồng bằng thuộc các huyện Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu và thị xã Hoàng Mai (Diễn - Yên - Quỳnh...;	Về ý kiến II.2.6. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 2.1 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.2.7	+ Đồng bằng thuộc các huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc (Nam - Hưng - Nghi)... sửa thành Đồng bằng thuộc các huyện Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc, thành phố Vinh và thị xã Cửa Lò (Nam - Hưng - Nghi)...	Về ý kiến II.2.7. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 2.1 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.2.8	- Trang 29: Tại mục 3. Sông Giăng, là một phụ lưu phía phải sông Cả có cửa ra tại xã Thanh Luân đề nghị sửa thành xã Thanh Tiên	Về ý kiến II.2.8. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 2.1 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.2.9	- Trang 32: Kiểm tra lại số liệu tại bảng 10, cơ cấu sử dụng đất lưu vực sông Cả thuộc tỉnh Nghệ An không hợp lý	Về ý kiến II.2.9. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 2.1 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.2.10	Trang 50, bảng 13: + Mục 5. Vùng thượng lưu sông Hiếu: Tỉnh Nghệ An: sửa huyện Quế Phong (toàn bộ) thành huyện Quế Phong (trừ xã Đồng Văn thuộc lưu vực sông Chu), huyện Quỳnh Hợp (2 xã); + Mục 6. Vùng hạ lưu sông Hiếu: Tỉnh Nghệ An: huyện Quỳnh Hợp (toàn bộ) đề nghị xem xét lại vì có 2 xã của huyện Quỳnh Hợp thuộc Vùng thượng lưu sông Hiếu đã nêu ở mục 5; + Toàn bộ thị xã Thái Hòa thuộc lưu vực sông Hiếu, tại sao lại đưa một phần sang vùng phụ cận 1, đề nghị xem xét lại;	Về ý kiến II.2.10. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 2.3 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
II.2.11	<p>- Trang 118. Chương IV. tại Mục 4.1 (Đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước) Chương IV (Đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng, dự báo nhu cầu nước và phân vùng chức năng nguồn nước). Dự thảo có đề cập một số thông tin có liên quan đến tình hình cấp nước đô thị tuy nhiên số liệu chưa được cập nhật đến hết năm 2023, vì vậy đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu cập nhật các nội dung liên quan lĩnh vực cấp nước đô thị cụ thể như sau:</p> <p>+ Về công suất: Tổng công suất cấp nước của các nhà máy nước tập trung đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An: 133.500m³/ngày.đêm</p> <p>+ Về hệ thống cấp nước: (-) Nguồn nước thô: Hầu hết các nhà máy nước trên địa bàn tỉnh khai thác các nguồn nước mặt được lấy từ sông, hồ, kênh thủy lợi và nước ngầm, cụ thể như: sông Lam, sông Nam Giải, sông Hiếu, Hồ Vực Máu. Riêng 02 nhà nước khai thác nguồn nước ngầm là Nhà máy nước thị trấn Anh Sơn (công suất thiết kế 600m³/ngđ) và Nhà máy nước Cửa Lò (tại khối 1, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò), công suất thiết kế: 3.000m³/ngđ (03 giếng khoan). (-) Số lượng công trình cấp nước tập trung: 20 công trình; (-) Mạng lưới đường ống cấp nước: Về cơ bản mạng lưới đường ống cấp nước tại các đô thị đã được đầu tư xây dựng đồng bộ. Chất lượng và kết cấu đảm bảo năng lực truyền tải. Hệ thống đường ống cấp I, cấp II và cấp III (mạng dịch vụ) đã từng bước thay thế bằng các loại ống nhựa UPVC, HDPE đảm bảo nâng cao chất lượng nước, chống thất thoát</p> <p>+ Về công nghệ xử lý: Hầu hết các nhà máy nước đều đang sử dụng Công nghệ xử lý truyền thống: Lắng - Lọc - Khử trùng;</p> <p>Tổng số người dân đô thị được sử dụng nước sạch khoảng 480.356 (trong đó, đô thị loại IV: 384.940 người; các đô thị loại 5: 95.416 người);</p> <p>Đến hết tháng 6 năm 2024, tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: Tại đô thị loại IV trở lên (thị xã Cửa Lò, thị xã Thái Hòa, thị xã Hoàng Mai và TP Vinh) ước đạt 79% (Hết năm 2024 ước đạt 83%). Tại các đô thị loại V ước đạt 90,2% (Hết năm 2024 ước đạt 90,5%). Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân tại các đô thị loại IV trở lên là 26,65%; tại các đô thị loại V là 22,2%. Hệ thống cấp nước đô thị hiện cơ bản đáp ứng được nhu cầu cấp nước phục vụ cho sản xuất kinh doanh của các hộ tiêu thụ trên địa bàn</p>	<p>Về ý kiến II.2.11. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 4.1 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.</p>
II.2.12	<p>- Trang 127: Số liệu bảng 49. Tổng hợp công trình thủy lợi vùng phụ cận giống hết số liệu hình 56. Tổng hợp công trình thủy lợi vùng hạ lưu sông Cả (trang 124). Đề nghị Đơn vị tư vấn kiểm tra, rà soát lại;</p>	<p>Về ý kiến II.2.12. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 4.1 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.</p>
II.2.13	<p>Trang 251, bảng 122: Danh mục công trình đề xuất xây dựng bổ sung:</p> <p>+ Mục 7 và 10, dự án Khôi phục, nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An được khởi công từ năm 2016 hoàn thành tháng 12 năm 2023 và đã bàn giao đưa vào sử dụng, đề nghị bỏ nội dung này</p> <p>+ Mục 9: Sửa lại loại hình công trình “hồ thủy lợi” thành “đập dâng”</p>	<p>Về ý kiến II.2.13. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 5.4 Chương 5 Báo cáo tổng hợp.</p>

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	+ Mục 11: Sửa lại loại hình công trình “công thủy lợi” thành “kênh dẫn và hệ thống tưới, tiêu nội đồng”	
II.2.14	- Trang 167. Phân vùng chức năng nguồn nước: Đề nghị đơn vị tư vấn rà soát nội dung Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 6/9/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn 2035 đề phân vùng chức năng nguồn nước cho phù hợp với thực tế tại địa phương.	Về ý kiến II.2.14. cơ quan lập quy hoạch cho rằng việc phân vùng chức năng nguồn nước đã đã rà soát theo Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
II.2.15	- Trang 280, mục XV: Sông Hậu (Mơ) có nguồn nước lợi nên chức năng cơ bản của nguồn nước là không cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.	Về ý kiến II.2.15. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 4.5 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.
II.2.16	- Trang 354, Danh mục các nhiệm vụ, dự án, đề án: Đề nghị bổ sung “Quy hoạch phòng, chống lũ và đề điều hệ thống sông Cả”	Về ý kiến II.2.16. cơ quan lập quy hoạch cho rằng “Quy hoạch phòng, chống lũ và đề điều hệ thống sông Cả” thuộc danh mục các dự án ưu tiên thuộc quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cả do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai xây dựng.
II.2.17	- Mục 7.1 Xác định các khu vực bị sạt, lở và đề xuất các biện pháp giảm thiểu nguy cơ sạt, lở (trang 297). Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030 theo Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 90/KH-UBND ngày 18/02/2021. Vì vậy, đề nghị Đơn vị tư vấn kiểm tra, xem xét, kết hợp với điều tra khảo sát để cập nhật số liệu, nội dung cho phù hợp.	Về ý kiến II.2.17. cơ quan lập quy hoạch cho rằng đối với các số liệu về hiện trạng sạt, lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã rà soát từ số liệu của Văn bản số 90/KH-UBND ngày 18/02/2021 Thực hiện Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 và kết hợp với các số liệu do Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An cung cấp về hiện trạng sạt, lở các sông trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2023.
II.2.18	- Ngoài ra, đề nghị Đơn vị tư vấn rà soát, cập nhật lại các số liệu về số lượng công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nghệ An, nhất là các hồ chứa thủy lợi. Cụ thể, tại mục 4.1.1.2. Đánh giá tình hình cấp nước nông nghiệp (trang 122) theo thống kê từng khu vực thì tổng số hồ chứa trên địa bàn tỉnh là 1.217 hồ. Trong khi đó, số lượng hồ chứa trên địa bàn tỉnh Nghệ An là 1.243 hồ (theo Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kết quả điều tra số lượng, hiện trạng các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nghệ An). Trong đó có 1061 hồ chứa thủy lợi thuộc đối tượng theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước (danh mục chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 4746/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành danh mục phân loại đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh).	Về ý kiến II.2.18. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 4.1 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.
3	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (Công văn số 11691/UBND-NN ngày 12/8/2024)	
	1. Nội dung trong Báo cáo tổng hợp Quy hoạch	
II.3.1	- Tại mục 1.5 Phạm vi lập Quy hoạch (trang 10) có nêu: Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích lưu vực sông Cả thuộc lãnh thổ Việt Nam và vùng phụ cận nằm trong địa	Về ý kiến II.3.1. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 1.5

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
	giới hành chính 04 tỉnh, trong đó tỉnh Thanh Hóa có 1/27 huyện, chiếm 2,5% diện tích lưu vực; tuy nhiên, tại <i>Bảng 13 Phân vùng quy hoạch</i> (trang 49) nêu: Vùng thượng lưu sông Hiếu gồm huyện Như Xuân với 14 xã; vùng hạ lưu sông Hiếu gồm huyện Như Xuân với 2 xã, huyện Như Thanh với 1 xã. Vì vậy, đề nghị xem xét, điều chỉnh nội dung cho thống nhất về phạm vi lập quy hoạch đối với tỉnh Thanh Hóa.	Chương 1 Báo cáo tổng hợp.
II.3.2	- Tại mục 1.10 Tài liệu, số liệu phục vụ lập quy hoạch (trang 13): Đề nghị sửa đổi tên Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa từ <i>Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050</i> thành <i>Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045</i> theo Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, trong Báo cáo tổng hợp rà soát, cập nhật các nội dung liên quan đến phương án phân bổ, bảo vệ và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phù hợp với nội dung trong Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Về ý kiến II.3.2. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại mục 1.10 Chương 1 Báo cáo tổng hợp.
II.3.3.	- Tại điểm 3, mục 3.1.3.2 <i>Lượng nước tại các tỉnh thuộc lưu vực theo các tần suất</i> (trang 69) có nêu: Tổng lượng nước mặt trung bình nhiều năm tỉnh Thanh Hóa khoảng 0,49 tỷ m ³ , chiếm 2,1% của toàn lưu vực; tuy nhiên tại điểm c, mục 3.3.2 <i>Đánh giá khả năng nguồn nước theo phạm vi từng tỉnh trên lưu vực sông</i> (trang 116) nêu: Tổng lượng nước trung bình nhiều năm của lưu vực sông Cả tính về các tỉnh thuộc lưu vực trong đó tỉnh Thanh Hóa khoảng 0,51 tỷ m ³ , chiếm 2,1%. Đề nghị kiểm tra thống nhất số liệu báo cáo.	Về ý kiến II.3.2. cơ quan lập quy hoạch cho rằng tổng lượng nước trung bình nhiều năm tính cho tỉnh Thanh Hóa bao gồm tổng lượng nước mặt và tổng lượng nước dưới đất khoảng 0,51 tỷ m ³ , trong đó tổng lượng nước mặt khoảng 0,49 tỷ m ³ và tổng lượng nước dưới đất khoảng 0,02 tỷ m ³ .
II.3.4	- Tại mục 4.1.1.2 <i>Đánh giá tình hình cấp nước nông nghiệp</i> (trang 122), đề nghị bổ sung danh mục tổng hợp các công trình thủy lợi thuộc các lưu vực vào Phụ lục báo cáo.	Về ý kiến II.3.4. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại phụ lục IX Báo cáo tổng hợp.
II.3.5	- Tại bảng 82 <i>Phân đoạn các sông lập quy hoạch, về vị trí hành chính có nêu đoạn suối Tong chảy qua địa phận xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa</i> đề nghị chỉnh sửa thành: ... Xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, Thanh Hóa; đồng thời, kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa các bảng biểu có liên quan.	Về ý kiến II.3.5. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 4.5 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.
II.3.6	- Tại điểm c, mục 6 (trang 38) về hiện trạng năng lượng Thanh Hóa: Đề nghị chuẩn xác lại số liệu, với lý do trạm biến áp 110kV Bãi Trành, công suất 40MAV đã đi vào vận hành, đóng điện phục vụ nhân dân trên địa bàn huyện Như Xuân từ ngày 31/12/2021.	Về ý kiến II.3.6. cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung trong Hồ sơ Quy hoạch, cụ thể tại Mục 2.2 Chương 2 Báo cáo tổng hợp.
II.3.7	- Đề nghị cập nhật danh mục các quy hoạch đã được phê duyệt (quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành) và các dự án phát triển kinh tế - xã hội (trong đó có các dự án về thủy điện, hồ đập) trong phạm vi lưu vực sông Cả trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có ảnh hưởng đến quy hoạch trên; từ đó, đánh giá tác động của các quy hoạch hiện hữu và các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đến việc lập, triển khai quy hoạch này và ngược lại.	Về ý kiến II.3.7. cơ quan lập quy hoạch cho rằng đã rà soát, cập nhật các quy hoạch có đề xuất các công trình thủy điện, thủy lợi từ các quy hoạch đã được phê duyệt trên lưu vực sông phù hợp với quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả; các công trình này cũng đã được xem xét đánh giá tác động đến nguồn nước, khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông. Bên cạnh đó việc đánh giá xem xét sự phù hợp của các công trình thủy điện, thủy lợi bảo đảm giải quyết các vấn đề về tài nguyên nước trên lưu vực sông, vùng

TT	Những ý kiến, góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình và sửa chữa
		quy hoạch đã xác định trong Mục 4.4 Chương 4 Báo cáo tổng hợp.